

No. 277  
No. 277

佛說觀普賢菩薩行法經  
Phật thuyết quán Phổ Hiền Bồ Tát hạnh pháp Kinh  
Phật nói Kinh Pháp Quán Phổ-Hiền Bồ-Tát Hạnh.

宋元嘉年曇無蜜多於楊州譯  
tống nguyên gia niên đàm vô mật đa ư dương châu dịch  
Đời nhà Tống, năm Nguyên gia, ngài Đàm-Vô-Mật-Đa ở Dương-Châu dịch  
Canada, Toronto Tháng 2 năm 2018 Quảng-Lượng, Lý Hồng Nhựt chuyên ngữ sang tiếng Việt

如是我聞。  
như thị ngã văn 。  
Tôi<A-nan> nghe như vậy.

一時佛在毘舍離國大林精舍重閣講堂。告諸比丘。却後三月我當般涅槃。  
nhất thời Phật tại tỳ xá lý quốc đại lâm tinh xá trọng các giảng đường 。 cáo chư Tỳ-  
kheo 。 khước hậu tam nguyệt ngã đương Bát Niết Bàn 。  
Một thuở Phật Thích-Ca Mâu-Ni ở tại nước Tỳ-xá-ly, trong tịnh-xá Đại-Lâm, nơi giảng đường  
chánh. Phật bảo các vị Tỳ-kheo, sau ba tháng Ta<Phật> sẽ vào Niết-Bàn.

尊者阿難。即從座起。整衣服叉手合掌。  
Tôn-Giả A-nan 。 tức tùng toạ khởi 。 chỉnh y phục xoa thủ hợp chuông 。  
Tôn Giả A-Nan liền từ chỗ ngồi đứng lên, chỉnh lại y áo, chấp tay

遶佛三匝為佛作禮。胡跪合掌諦觀。如來目不暫捨。  
nhiều Phật tam tạp vi Phật tác lễ 。 hò quy hợp chuông để quán 。 Như Lai mục bất tạm  
xả 。  
Đi quanh Phật ba vòng, hướng Phật đảnh lễ, rồi quỳ xuống chấp tay chăm chú nhìn, mắt nhìn  
Phật không rời

長老摩訶迦葉。彌勒菩薩摩訶薩。亦從座起。

Trưởng-lão Ma-ha Ca-diếp 。 Di-lặc Bồ-Tát Ma-ha-tát 。 diệc tùng tọa khởi 。  
Trưởng-lão Ma-ha Ca-diếp 。 Di-lặc Bồ-Tát Ma-ha-tát cũng từ chỗ ngồi đứng lên

合掌作禮瞻仰尊顏。時三大士異口同音。

hợp chưởng tác lễ chiêm ngưỡng tôn nhan 。 thời tam đại sĩ dị khẩu đồng âm 。  
chắp tay ảnh lễ rồi ngược nhìn Thế-Tôn, lúc bấy giờ ba vị đồng cất tiếng

而白佛言。世尊。如來滅後。云何眾生起菩薩心。

nhi bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 Như Lai diệt hậu 。 vân hà chúng sanh khởi Bồ Tát  
tâm 。

mà thưa với Phật: Đức Thế-Tôn sau khi ngài nhập-diệt; làm sao Chúng-sanh phát khởi được tâm  
tu hạnh Bồ-Tát?

修行大乘方等經典。正念思惟一實境界。

tu hành Đại thừa phương đẳng Kinh điển 。 chánh niệm tư tánh nhất thật cảnh giới 。  
<làm sao> tu hành theo kinh Đại-thừa Phương-Đẳng?<làm sao> được chánh-niệm trong nhất  
thật cảnh giới?

云何不失無上菩提之心。

vân hà bất thất vô thượng Bồ-đề chi tâm 。

Làm sao để không bị lui sụt khi (chúng sanh) phát tâm Vô-Thượng Bồ-Đề(thành Phật)?

云何復當不斷煩惱不離五欲。得淨諸根滅除諸罪。

vân hà phục đương bất đoạn phiền não bất ly ngũ dục 。 đắc tịnh chư căn diệt trừ chư  
tội 。

làm sao có thể khi mà (chúng sanh) chưa dứt phiền não, chưa lìa xa ngũ dục mà được thân căn  
thanh-tịnh cùng tội-chướng tiêu-trừ?

父母所生清淨常眼。不斷五欲而能得見諸障外事。

phụ mẫu sở sanh thanh tịnh thường nhãn 。 bất đoạn ngũ dục nhi năng đắc kiến chư  
chướng ngoại sự 。

<làm sao> với đôi mắt phàm trần do cha mẹ sanh ra, chưa đoạn trừ ngũ dục mà có thể nhìn thấy  
những ngăn ngại bên ngoài?

佛告阿難。諦聽諦聽善思念之。

Phật cáo A-nan 。 để thính để thính thiện tư niệm chi 。

Phật bảo A-Nan hãy lắng nghe rồi khéo léo theo đây mà nhớ và suy nghĩ.

如來昔在耆闍崛山及餘住處。已廣分別一實之道。今於此處。

Như Lai tích tại Kỳ-xà-Quật sơn cập dư trụ xứ 。 dĩ quảng phân biệt nhất thật chi đạo 。

kim ư thử xứ 。

Như-Lai trước kia ở tại núi Kỳ-Xà-Quật cùng những nơi khác đã nói rất nhiều về cách phân biệt,  
đâu là con đường chân thật nhất! Nay ở nơi đây

為未來世諸眾生等。欲行大乘無上法者。

vi vị lai thế chư chúng sanh đấng 。 dục hành Đại thừa vô thượng pháp giả 。

vì tương-lai của các chúng-sanh; những người muốn thực hành theo pháp môn vô cùng rộng lớn và cao siêu này.

欲學普賢行。普賢行者。我今當說其憶念法。

dục học Phổ Hiền hạnh 。 Phổ Hiền hành giả 。 ngã kim đương thuyết kỳ ức niệm Pháp  
những người ấy nên học theo hạnh Phổ-Hiền bồ-tát. Nay những người tu theo hạnh Phổ-Hiền bồ-  
tát; nay Ta(Phật) đang nói về các pháp tu xưa kia

若見普賢及不見者。除却罪數。

nhược kiến Phổ Hiền cập bất kiến giả 。 trừ khước tội số 。

Người tu theo hạnh Phổ-Hiền bồ-tát, nếu được thấy ngài Phổ-Hiền hay chưa được thấy, đều tiêu-  
trừ được vô số tội-lỗi.

今為汝等當廣分別。阿難。普賢菩薩。乃生東方淨妙國土。

kim vi nhữ đẳng đương quảng phân biệt 。 A-nan 。 Phổ Hiền Bồ Tát 。 nãi sanh Đông  
phương tịnh diệu quốc độ 。

Nay vì các người tu hạnh Phổ-Hiền mà nói rộng để phân biệt. A-Nan, Phổ-Hiền bồ-tát sanh ở  
phương Đông nơi cõi nước thanh-tịnh

其國土相。法華經中已廣分別。

kỳ quốc độ tướng 。 Pháp Hoa Kinh trung dĩ quảng phân biệt 。

hình tướng của quốc độ kia, trong kinh Pháp-Hoa đã nói rõ.

我今於此略而解說。阿難。若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

ngã kim ư thử lược nhi giải thuyết 。 A-nan 。 nhược Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni ưu-bà-tắc ưu-  
bà-di 。

Ta (Thích-Ca)nay chỉ tóm lại mà nói. A-Nan nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thiện-nam, Tín-nữ.

天龍八部一切眾生。誦大乘經者。修大乘者。

thiên long bát bộ nhất thiết chúng sanh 。 tụng Đại thừa Kinh giả 。 tu Đại-Thừa giả 。

Trời, Rồng cùng tất-cả chúng-sanh; những người tụng kinh Đại-thừa, tu hạnh Đại-thừa

發大乘意者。樂見普賢菩薩色身者。

phát Đại thừa ý giả 。 lạc kiến Phổ Hiền Bồ Tát sắc thân giả 。

phát Đại-thừa tâm. Những người này rất là vui mừng; khi được nhìn thấy sắc-thân của Phổ-Hiền  
bồ-tát;

樂見多寶佛塔者。樂見釋迦牟尼佛及分身諸佛者。

lạc kiến Đa-Bảo Phật tháp giả 。 lạc kiến Thích Ca Mâu Ni Phật cập phân thân chư Phật  
giả 。

khi được thấy tháp Phật Đa-Bảo; cũng rất vui mừng khi được nhìn thấy Phật Thích-Ca cùng những phân thân của ngài

樂得六根清淨者。當學是觀。

lạc đắc lục căn thanh tịnh giả。 đương học thị quán。

và cũng rất vui mừng khi mình được sáu căn thanh tịnh, thì nên học theo cách quán tưởng này.

此觀功德除諸障礙。見上妙色。不入三昧。但誦持故。

thử quán công đức trừ chur chướng ngại。 kiến thượng diệu sắc。 bất nhập tam muội。 đăn tụng trì cố。

Pháp quán này có công năng làm tiêu trừ các sự ngăn trở, thấy được các màu sắc tươi đẹp, không cần phải đạt được Tam-Muội, chỉ cần đọc tụng và thực hành theo kinh điển Đại-thừa.

專心修習。心心相次。不離大乘。一日至三七日。

chuyên tâm tu tập。 tâm tâm tương thứ。 bất ly Đại-Thừa。 nhất nhật chí tam thất nhật。

hết lòng tu tập, tâm liền tâm không xa rời kinh Đại-thừa, từ một ngày cho đến hai mươi mốt ngày,

得見普賢。有重障者。七七日盡然後得見。

đắc kiến Phổ Hiền。 hữu trọng chướng giả。 thất thất nhật tận nhiên hậu đắc kiến。 sẽ được thấy Phổ-Hiền bồ-tát. Nếu là người có nghiệp-chướng nặng thì đến bốn mươi chín ngày cũng sẽ nhìn thấy được Phổ-Hiền bồ-tát.

復有重者一生得見。復有重者二生得見。

phục hữu trọng giả nhất sanh đắc kiến。 phục hữu trọng giả nhị sanh đắc kiến。

Lại cũng có người nghiệp chướng nặng, nên một đời mới được nhìn thấy; lại cũng có người nghiệp chướng nặng, nên hai đời mới được nhìn thấy

復有重者三生得見。如是種種業報不同。

phục hữu trọng giả tam sanh đắc kiến。 như thị chủng chủng nghiệp báo bất đồng。

Lại cũng có người nghiệp chướng quá sâu dày nên trải qua ba đời mới được nhìn thấy. Như vậy mọi loại nghiệp báo nặng nhẹ khác nhau.

是故異說。普賢菩薩身量無邊。音聲無邊色像無邊。

thị cố dị thuyết。 Phổ Hiền Bồ Tát thân lượng vô biên。 âm thanh vô biên sắc tượng vô biên。

nên chỗ nói cũng khác nhau. Phổ-Hiền bồ-tát hiện vô-lượng thân, vô-số âm-thanh, vô-biên hình-tượng khác nhau.

欲來此國。入自在神通。促身令小。

dục lai thử quốc。 nhập tự tại thần thông。 xúc thân lệnh tiểu。

Ngài Phổ-Hiền bồ-tát muốn đến cõi Ta-Bà này, với thần-thông tự-tại, liền biến ra thân hình nhỏ nhắn.

閻浮提人三障重故。以智慧力化乘白象。

Diêm-phù-đề nhân tam chướng trọng cố 。 dĩ trí tuệ lực hóa thừa bạch tượng 。

Vì người ở cõi Diêm-Phù-Đề với ba chướng nặng(nên thân hình nhỏ bé). Ngài Phổ-Hiền dùng sức mạnh của trí tuệ liền hóa thành tòa voi trắng.

其象六牙七支跏地。其七支下生七蓮華。象色鮮白。

kỳ tượng lục nha thất chi跏 địa 。 kỳ thất chi hạ sanh thất liên hoa 。 tượng sắc tiên bạch 。

Bạch-tượng có sáu ngà và bảy phần thân tiếp đất, phía dưới bảy phần thân nở ra bảy đóa hoa sen, màu Bạch tượng trắng rất tươi đẹp.

白中上者。頗梨雪山不得為比。

bạch trung thượng giả 。 pha-lê tuyết sơn bất đắc vi bỉ 。

trên lưng Bạch-tượng có một người, long lanh như pha lê hay màu trắng của tuyết cũng không thể so bì.

身長四百五十由旬。高四百由旬。於六牙端有六浴池。

thân trường tứ bách ngũ thập do-tuần 。 cao tứ bách do-tuần 。 ư lục nha đon hữu lục dục trì 。

thân bạch tượng dài bốn trăm năm mươi do tuần, cao bốn trăm do tuần; nơi đầu sáu ngà có sáu hồ tắm.

一一浴池中生十四蓮華。與池正等。

nhất nhất dục trì trung sanh thập tứ liên hoa 。 dĩ trì Chánh đẵng 。

Trong mỗi hồ tắm có mười bốn hoa sen mọc thẳng lên.

其華開敷如天樹王。一一華上有一玉女。

kỳ hoa khai phu như thiên thọ vương 。 nhất nhất hoa thượng hữu nhất ngọc nữ 。

Những hoa sen này nở rộng như tàn cây lớn trăm năm, mỗi đóa có một ngọc nữ

顏色紅輝有過天女。手中自然化五箜篌。一一箜篌。

nhân sắc hồng huy hữu quá Thiên nữ 。 thủ trung tự nhiên hóa ngũ không hầu 。 nhất nhất không hầu 。

nhân sắc sáng hồng rực rỡ hơn cả tiên nữ cõi trời, nơi tay ngọc nữ có năm loại đàn, mỗi mỗi loại

有五百樂器以為眷屬。有五百飛鳥。

hữu ngũ bách nhạc khí dĩ vi quyến thuộc 。 hữu ngũ bách phi điều 。

có năm trăm nhạc khí phụ họa. Lại có năm trăm loài chim

鳧鴈鴛鴦皆眾寶色。生花葉間。象鼻有華。

phù nhạn uyên ương giai chúng bảo sắc 。 sanh hoa diệp gian 。 tượng tị hữu hoa 。

như Nhạn, Uyên-Uơng với màu sắc thật đẹp trong khoảng cách giữa các đóa hoa. Nơi mũi của Bạch tượng có một đóa hoa sen.

其莖譬如赤真珠色。其華金色含而未敷。見是事已。

kỳ hành thí như xích trên châu sắc 。 kỳ hoa kim sắc hàm nhi vị phu 。 kiến thị sự dĩ 。

phần cuốn hoa như chuỗi trên châu, hoa màu vàng rờng dù chưa phô bài hết.(Người tu Đại-thừa) sau khi đã nhìn thấy cảnh này rồi.

復更懺悔。至心諦觀思惟大乘。心不休廢。

phục cánh sám hối 。 chí tâm đế quán tư tánh Đại-Thừa 。 tâm bất hưu phế 。

càng phải ăn-năn hối-lỗi, hết lòng nghĩ tưởng đến tự tánh Đại-thừa, tâm không sao lãng.

見華即敷金色金光。其蓮華臺是甄叔迦寶。

kiến hoa tức phu kim sắc kim quang 。 kỳ liên hoa đài thị chân-thúc-ca bảo 。

(Hành giả) thấy hoa sen liền nở ra rộng lớn, màu vàng kim phát ra ánh sáng vàng, đài hoa là ngọc Chân-thúc-ca.

妙梵摩尼以為華鬘。金剛寶珠以為華鬘。

diệu phạm ma ni dĩ vi hoa man 。 Kim cương bảo châu dĩ vi hoa tu 。

Diệu-phạm-ma-ni làm cánh, kim-cương làm tua sen.

見有化佛坐蓮華臺。眾多菩薩坐蓮華鬘。

kiến hữu hóa Phật tọa liên hoa đài 。 chúng đa Bồ Tát tọa liên hoa tu 。

(Hành giả) thấy đức hóa Phật ngồi trên tòa sen, chúng Bồ-tát ngồi quanh tua sen.

化佛眉間。亦出金光入象鼻中。從象鼻出入象眼中。

hóa Phật my gian 。 diệc xuất kim quang nhập tượng tị trung 。 tùng tượng tị xuất nhập tượng nhân trung 。

Nơi giữa chấn mài đức hóa Phật phát ra ánh sáng vàng tiến vào mũi voi trắng, rồi từ mũi lại tiến vào mắt Bạch-tượng.

從象眼出入象耳中。從象耳出照象頂上。

tùng tượng nhân xuất nhập tượng nhĩ trung 。 tùng tượng nhĩ xuất chiếu tượng đỉnh thượng 。

từ mắt phát ra lại tiến vào tai, rồi ánh sáng phát từ tai chiếu lên trên đỉnh đầu Bạch-tượng.

化作金臺。其象頭上有三化人。一捉金輪。

hóa tác kim đài 。 kỳ tượng đầu thượng hữu tam hóa nhân 。 nhất tróc kim luân 。

hóa thành đài sen vàng; nơi đỉnh đầu voi trắng hiện ra ba hóa thân Phật, một vị cầm bánh xe bằng vàng.

一持摩尼珠。一執金剛杵舉杵擬象。

nhất trì ma ni châu 。 nhất chấp Kim Cương xử cử xử nghĩ tượng 。

một vị cầm chuỗi ngọc Ma-ni; một vị cầm chày Kim-cang, vị này liền đưa chày Kim-cang lên để khởi động bạch-tượng.

象即能行脚。不履地躡虚而遊。離地七尺。地有印文。

tượng tức năng hành cước 。 bất lý địa niếp hư nhi du 。 ly địa thất xích 。 địa hữu ấn văn 。

Bạch-tượng liền bước đi, nhưng không cần đặt chân xuống đất, chỉ bước nhẹ trên không mà đi, cách đất cả bảy xích, mà mặt đất vẫn hiện rõ dấu chân.

於印文中。千輻轂輞皆悉具足。

ư ấn văn trung 。 thiên phước cốc võng giai tất cụ túc 。

Nơi mỗi dấu chân có những bánh xe, với hằng trăm cãm xe thật đầy đủ.

一一輞間生一大蓮華。此蓮華上生一化象。亦有七支。

nhất nhất võng gian sanh nhất đại liên hoa 。 thử liên hoa thượng sanh nhất hóa tượng 。

Khoảng cách giữa mỗi bước chân là một đóa hoa sen lớn, trên mỗi tòa sen có một hóa Bạch-tượng, cũng có đủ bảy đóa sen trên thân.

隨大象行。舉足下足。生七千象以為眷屬。

tùy đại tượng hành 。 cử túc hạ túc 。 sanh thất thiên tượng dĩ vi quyến thuộc 。

theo sau bước đi của Bạch-tượng, nhất chân hay hạ chân đều sanh ra bảy ngàn Bạch-tượng quyến thuộc.

隨從大象。象鼻紅蓮華色。上有化佛放眉間光。

tùy tùng đại tượng 。

theo sau Bạch-tượng lớn. Nơi mũi Bạch-tượng có đóa sen hồng, trên có đức hóa Phật nơi giữa chận mày phóng ra ánh sáng.

其光金色。如前入象鼻中。

kỳ quang kim sắc 。

ánh sáng màu vàng ròng, ánh sáng trước tiên đi vào mũi Bạch-tượng

於象鼻中出入象眼中。從象眼出還入象耳。從象耳出至象頸上。

ư tượng tị trung xuất nhập tượng nhãn trung 。

từ mũi ánh sáng lại đi vào mắt Bạch-tượng, rồi ánh sáng từ mắt lại đi vào tai, rồi từ tai chiếu lên phía trên.

漸漸上至象背。化成金鞍。七寶校具。

tiệm tiệm thượng chí tượng bối 。

lần lượt chiếu lên lưng Bạch-tượng liền hóa thành yên vàng có bảy báu xen lẫn.

於鞍四面有七寶柱。眾寶校飾以成寶臺。

ư an tứ diện hữu thất bảo trụ 。 chúng bảo giáo sức dĩ thành bảo đài 。  
trên yên vàng có trụ bốn mặt bằng bảy báu; các loại châu báu hợp thành bảo đài.

臺中有一七寶蓮華。其蓮華鬚百寶共成。

đài trung hữu nhất thất bảo liên hoa 。 kỳ liên hoa tu bách bảo cộng thành 。  
trên đài có mười bảy đóa sen, tua sen bằng một trăm thứ ngọc báu hợp thành

其蓮華臺是大摩尼。有一菩薩結加趺坐。名曰普賢。

kỳ liên hoa đài thị Đại ma-ni 。 hữu nhất Bồ Tát kiết già phu tọa 。 danh viết Phổ Hiền 。  
đài sen này là Đại-Ma-Ni; bên trên có vị Bồ-tát ngồi kiết-già, tên ngài là Phổ-Hiền.

身白玉色五十種光。光五十種色以為項光。

thân bạch ngọc sắc ngũ thập chủng quang 。 quang ngũ thập chủng sắc dĩ vi hạng  
quang 。

thân Ngài sáng như bạch ngọc ảnh hiện cả năm mươi màu khác nhau, ánh sáng năm mươi màu  
này tỏa ra rất rộng.

身諸毛孔流出金光。其金光端無量化佛。

thân chư mao khổng lưu xuất kim quang 。 kỳ kim quang đoan vô lượng hóa Phật 。  
những lỗ chân lông trong thân ngài Phổ-Hiền đều phát ra ánh sáng, trên đầu mỗi làn hào quang là  
một đức hóa Phật.

諸化菩薩以為眷屬。安庠徐步。

chư hóa Bồ-tát dĩ vi quyến thuộc 。 an tường từ bộ 。  
các hóa Bồ-Tát làm quyến thuộc rất an tường di chuyển.

雨大寶華至行者前。其象開口。於象牙上。

vũ đại bảo hoa chí hành giả tiền 。 kỳ tượng khai khẩu 。 ư tượng nha thượng 。  
trời mưa xuống những hoa lớn phía trước người tu quán hạnh Phổ-Hiền. Lúc bấy giờ Bạch-tượng  
cất tiếng, thì trên sáu ngà.

諸池玉女鼓樂絃歌。其聲微妙。讚歎大乘一實之道。

chư trì ngọc nữ cổ nhạc huyền Ca 。 kỳ thanh vi diệu 。 tán thán Đại-Thừa nhất thật chi  
đạo 。

các ngọc-nữ trong sáu hồ tắm đều cất lên tiếng nhạc, với âm-thanh vi-diệu dùng khen ngợi con  
đường chân thật nhất của Đại-thừa.

行者見已。歡喜敬禮。復更誦讀甚深經典。

hành giả kiến dĩ 。 hoan hỷ kính lễ 。 phục cánh tụng độc thậm thâm Kinh điển 。  
Hành-giả đã thấy những điều trên xong, lòng rất vui mừng đánh lễ, lại phát tâm độc tụng Đại-  
thừa kinh-điển thâm-sâu.

遍禮十方無量諸佛。禮多寶塔及釋迦牟尼。



biến lễ thập phương vô lượng chư Phật。 lễ Đa-Bảo tháp cập Thích-Ca Mâu Ni。 đánh lễ khắp mười phương chư Phật, tháp Đa-Bảo cùng Phật Thích-Ca Mâu-Ni。

并禮普賢諸大菩薩。發是誓言。

tinh lễ Phổ Hiền chư đại Bồ-tát。 phát thị thệ ngôn。 cùng lễ Phổ-Hiền bồ-tát và chư đại bồ-tát mà phát lời nguyện rằng。

若我宿福應見普賢。願尊遍吉。示我色身。作是願已。

nhược ngã tú phước ưng kiến Phổ Hiền。 nguyện tôn biến cát。 thị ngã sắc thân。 tác thị nguyện dĩ。

Nếu con(hành giả) có đủ phước báo được nhìn thấy ngài Phổ-Hiền bồ-tát, nguyện đem tất cả công đức lành từ thân con mà phát nguyện rằng。

晝夜六時禮十方佛。行懺悔法。誦大乘經。

trú dạ lục thời lễ thập phương Phật。 hành sám hối Pháp。 tụng Đại thừa Kinh。 ngày đêm sáu lần đánh lễ mười phương chư Phật, phát lồ sám-hối, trì tụng kinh Đại-thừa。

讀大乘經。思大乘義。念大乘事。

đọc Đại thừa Kinh。 tư Đại-Thừa nghĩa。 niệm Đại-Thừa sự。 đọc Đại-thừa kinh, suy nghĩ về ý nghĩa Đại-thừa, nhớ nghĩ đến việc làm Đại-thừa。

恭敬供養持大乘者。視一切人猶如佛想。於諸眾生如父母想。

cung kính cúng dường trì Đại-Thừa giả。 thị nhất thiết nhân do như Phật tướng。 ư chư chúng sanh như phụ mẫu tướng。

cung kính cúng dường người tu Đại-thừa, nhìn những người tu như nghĩ tưởng đến Phật, nhớ nghĩ đến chúng sanh như nhớ nghĩ đến Cha Mẹ(đây yêu thương)。

作是念已。普賢菩薩。

tác thị niệm dĩ。 Phổ Hiền Bồ Tát。

hành-giả sau khi đã nghĩ như trên thì ngài Phổ-Hiền bồ-tát

即於眉間放大人相白毫光明。此光現時。普賢菩薩身相端嚴。

tức ư my gian phóng Đại nhân tướng bạch hào quang minh。 thử quang hiện thời。 Phổ Hiền Bồ Tát thân tướng đoan nghiêm。

liền khi ấy giữa chạn mày phóng ra luồng ánh sáng trắng lớn, trong ánh sáng hiện ra thân tướng đoan-nghiêm của ngài Phổ-Hiền bồ-tát。

如紫金山。端正微妙。三十二相皆悉備有。

như tử kim sơn。 đoan chánh vi diệu。 tam thập nhị tướng giai tất bị hữu。

như ngọn núi vàng tía, đoan-chánh vi-diệu, đầy đủ cả ba mươi hai tướng tốt cùng tám mươi vẽ đẹp。

身諸毛孔放大光明。照其大象令作金色。

thân chư mao khổng phóng đại quang minh。 chiếu kỳ đại tượng lệnh tác kim sắc。

lỗ chân lông trên thân phóng ra những luồng ánh sáng lớn chiếu đến voi trắng, liền biến thành màu vàng ròng.

一切化象亦作金色。諸化菩薩亦作金色。其金色光。

nhất thiết hóa tượng diệc tác kim sắc 。 chư hóa Bồ-tát diệc tác kim sắc 。 kỳ kim sắc quang 。

tất cả các hóa tượng cũng hòa thành màu vàng ròng, các vị hóa Bồ-tát cũng phát ra ánh sáng màu vàng ròng, những ánh sáng vàng này.

照于東方無量世界。皆同金色。

chiếu vu Đông phương vô lượng thế giới 。 giai đồng kim sắc 。

chiếu về phương Đông vượt qua vô-lượng thế-giới, tất cả đều biến thành một màu vàng ròng.

南西北方四維上下亦復如是。

Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ diệc phục như thị 。

Phương Nam, Tây, Bắc cùng phương Trên, Dưới cũng đều như vậy.

爾時十方面一一方。有一菩薩。

nhĩ thời thập phương diện nhất nhất phương 。

Lúc bấy giờ mười phương đều có về phương Đông, nơi có một vị Bồ-tát.

乘六牙白象王。亦如普賢等無有異。

thừa lục nha bạch tượng Vương 。

cỡi voi trắng sáu ngà giống như ngài Phổ-Hiền không khác

如是十方無量無邊滿中化象。普賢菩薩神通力故。

như thị thập phương vô lượng vô biên mãn trung hóa tượng 。

Bấy giờ nơi không trung của mười phương có vô-lượng vô-biên các hóa tượng. Phổ-Hiền bồ-tát có sức thần lớn như thế.

令持經者皆悉得見。是時行者。見諸菩薩。身心歡喜。

lệnh trì Kinh giả giai tất đắc kiến 。

khiến cho người trì kinh Đại-thừa nhất định sẽ thấy được ngài. Lúc bấy giờ người tu hạnh Đại-thừa thấy các Bồ-tát thân tâm rất vui mừng.

為其作禮。白言。大慈大悲者。愍念我故。

vi kỳ tác lễ 。

nhân đây mà đánh lễ bạch rằng: Đáng Đại-Từ Đại-Bi đã thương xót đến con.(Người tu)

為我說法。說是語時。諸菩薩等異口同音。

vi ngã thuyết Pháp 。

vì con mà thuyết pháp. Lúc người tu hạnh Đại-thừa nói những lời này, các vị Bồ-tát cũng đồng nói

各說清淨大乘經法。作諸偈頌讚歎行者。

các thuyết thanh tịnh Đại thừa Kinh Pháp 。 tác chư kệ tụng tán thán hành giả 。  
các vị nói về Kinh Pháp Đại-thừa thanh tịnh cùng nói kệ khen ngợi người tu hạnh Đại-thừa.

是名始觀普賢菩薩最初境界。

thị danh thủy quán Phổ Hiền Bồ Tát tối sơ cảnh giới 。

Đây gọi là Khởi Quán Phổ-Hiền Bồ-Tát, là cảnh giới thấp nhất.

爾時行者。見是事已。心念大乘。晝夜不捨。

nhĩ thời hành giả 。 kiến thị sự dĩ 。 tâm niệm Đại-Thừa 。 trú dạ bất xả 。

Lúc hành giả thấy được cảnh giới này rồi, tâm nhớ nghĩ về Đại-thừa ngày đêm không sao lãng.

於睡眠中。夢見普賢為其說法。如覺無異。

ư thụy miên trung 。 mộng kiến Phổ Hiền vì kỳ thuyết Pháp 。 như giác vô dị 。

trong giấc ngủ, mộng thấy ngài Phổ-Hiền bồ-tát thuyết-pháp, chỗ hiểu biết không khác khi thức mà nghe.

安慰其心。而作是言。汝所誦持。忘失是句。

an úy kỳ tâm 。 nhi tác thị ngôn 。 nhữ sở tụng trì 。 vong thất thị cú 。

an ủi tâm hành giả mà nói như vậy; kinh điển Đại-thừa mà hành giả trì tụng, nếu bị mất câu

忘失是偈。爾時行者。聞普賢菩薩所說深解義趣。

vong thất thị kệ 。

nhĩ thời hành giả 。 văn Phổ Hiền Bồ Tát sở thuyết thâm giải nghĩa thú 。

mất bài kệ. Lúc bấy giờ hành giả nghe ngài Phổ-Hiền bồ-tát giải thích về nghĩa lý thâm sâu.

憶持不忘。日日如是。其心漸利。普賢菩薩。

ức trì bất vong 。

nhật nhật như thị 。

kỳ tâm tiệm lợi 。

Phổ Hiền Bồ Tát 。

liền ghi nhớ không bị quên mất, ngày ngày như vậy tâm hành giả được nhiều lợi ích. Phổ-Hiền Bồ-tát.

教其憶念十方諸佛。隨普賢教正心正意。

giáo kỳ ức niệm thập phương chư Phật 。

tùy Phổ Hiền giáo chánh tâm chánh ý 。

lập lại lời của mười phương chư Phật, theo đó ngài Phổ-Hiền bồ-tát giải thích đâu là ý chánh, đâu là trọng tâm.

漸以心眼見東方佛。身黃金色。端嚴微妙。

tiệm dĩ tâm nhãn kiến Đông phương Phật 。

thân hoàng kim sắc 。

đoan nghiêm vi diệu 。

lần lần thì tâm lẫn mắt của hành giả sẽ thấy vị Phật ở phương Đông, thân màu vàng ròng đoan-nghiêm vi-diệu.

見一佛已。復見一佛。如是漸漸。遍見東方一切諸佛。

kiến nhất Phật dĩ 。 phục kiến nhất Phật 。 như thị tiệm tiệm 。 biến kiến Đông phương nhất thiết chư Phật 。

khi hành giả thấy được vị Phật ở phương Đông rồi, sẽ thấy thêm một vị Phật nữa và cứ như thế hành giả sẽ được nhìn thấy tất cả chư ở phương Đông.

心相利故。遍見十方一切諸佛。見諸佛已。

tâm tướng lợi cố 。 biến kiến thập phương nhất thiết chư Phật 。

tâm tướng hành giả được nhiều lợi ích, cho đến rộng thấy cả mười phương chư Phật. Một khi hành giả được thấy chư Phật rồi.

心生歡喜。而作是言。因大乘故。得見大士。

tâm sanh hoan hỷ 。 nhi tác thị ngôn 。 nhân Đại-Thừa cố 。 đắc kiến đại sĩ 。

sanh tâm vui mừng mà nói như vậy: Nương theo kinh-điển Đại-thừa được gặp Đại-sĩ Phổ-Hiền bồ-tát.

因大士力故。得見諸佛。雖見諸佛猶未了了。

nhân đại sĩ lực cố 。 đắc kiến chư Phật 。

tuy kiến chư Phật do vị liễu liễu 。

nương oai-lực của Đại-sĩ Phổ-Hiền hành giả được thấy chư Phật, tuy nhìn thấy chư Phật nhưng không được rõ ràng.

閉目則見。開目則失。作是語已。五體投地。

bế mục tức kiến 。 khai mục tức thất 。

tác thị ngữ dĩ 。

ngũ thể đầu địa 。

nhắm mắt thì thấy nhưng khi mở mắt thì không thấy. Hành giả liền nói như vậy; con nguyện đem năm phần thân thể trải trên đất

遍禮十方佛。禮諸佛已。胡跪合掌而作是言。

biến lễ thập phương Phật 。

lễ chư Phật dĩ 。

hồ quy hợp chưởng nhi tác thị ngôn 。

lễ khắp mười phương chư Phật, lễ Phật xong hành giả chắp tay quỳ xuống mà phát nguyện

諸佛世尊。十力無畏十八不共大慈大悲三念處。

chư Phật Thế tôn 。

thập lực vô úy thập bát bất cộng đại từ đại bi tam niệm xứ 。

Chư Phật Thế-Tôn với mười lực vô-úy, với mười tám pháp bất cộng, lòng đại-từ đại-bi cả ba niệm xứ.

常在世間色中上色。我有何罪而不得見。

thường tại thế gian sắc trung thượng sắc 。

ngã hữu hà tội nhi bất đắc kiến 。

thường ở tại thế-gian trong ánh sáng vi-diệu. Con vì tội-nghiệp nặng nên không nhìn thấy được thân Phật.

說是語已。復更懺悔。懺悔清淨已。

thuyết thị ngữ dĩ 。

phục cánh sám hối 。

sám hối thanh tịnh dĩ 。

Hành giả sau khi nói những lời này xong lại phát tâm sám-hối, khi sám-hối thanh tịnh rồi.

普賢菩薩復更現前。行住坐臥不離其側。

Phổ Hiền Bồ Tát phục cánh hiện tiền 。 hành trụ tọa ngọa bất ly kỳ trắc 。  
Phổ-Hiền bồ-tát lại hiện ra trước hành-giả, dù đi đứng ngồi nằm đều rõ ràng không sai lệch.

乃至夢中常為說法。此人覺已。得法喜樂。

nãi chí mộng trung thường vi thuyết Pháp 。 thử nhân giác dĩ 。 đắc pháp thiện lạc 。  
cho đến trong giấc mộng Phổ-Hiền bồ-tát thường thuyết-giảng; khi hành-giả được giác-ngộ rồi,  
được pháp lợi lành rồi.

如是晝夜經三七日。然後方得旋陀羅尼。得陀羅尼故。

như thị trú dạ Kinh tam thất nhật 。 nhiên hậu phương đắc toàn Đà-la-ni 。 đắc Đà-la-ni  
cổ 。

như vậy trải qua hai mươi một ngày đêm, hành-giả mới có thể đầy đủ Đà-la-ni, được Đà-la-ni rồi.

諸佛菩薩所說妙法。憶持不失。

chư Phật Bồ-tát sở thuyết diệu pháp 。 ức trì bất thất 。

những diệu-pháp mà chư Phật và Bồ-tát đã nói thì hành-giả ghi nhớ hết không sót mất.

亦常夢見過去七佛。唯釋迦牟尼佛為其說法。是諸世尊。

diệc thường mộng kiến quá khứ thất Phật 。 duy Thích Ca Mâu Ni Phật vi kỳ thuyết  
Pháp 。

lại cũng thường mộng thấy chư Phật trong quá khứ. Nhưng chỉ có đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni vì  
hành-giả mà thường thuyết-pháp, còn chư Phật

各各稱讚大乘經典。

các các xưng tán Đại thừa Kinh điển 。

đều khen ngợi kinh-diễn Đại-thừa.

爾時行者。復更懺悔。遍禮十方佛。

nhĩ thời hành giả 。

Lúc bấy giờ hành giả lại phát-tâm sám-hối cùng lễ khắp mười phương chư Phật.

禮十方佛已。普賢菩薩住其人前。教說宿世一切業緣。

lễ thập phương Phật dĩ 。

đánh lễ mười phương chư Phật rồi; Phổ-Hiền bồ-tát hiện thân ở trước hành giả giảng giải về  
nghịệp-quả nhiều kiếp.

發露黑惡一切罪事。向諸世尊。口自發露。

phát lộ hắc ác nhất thiết tội sự 。

hành giả tự nói lên những việc ác đã làm, hướng đến chư Phật, tự mình nói ra.

既發露已。尋時即得諸佛現前三昧。

ký phát lộ dĩ 。

phát lộ xong rồi, chẳng lâu sau liền được Tam-muội(Đại-định) của chư Phật hiện tiền.

得是三昧已。見東方阿閼佛及妙喜國。了了分明。

đắc thị tam muội dĩ 。 kiến Đông phương A-Súc Phật cập diệu hi quốc 。 liễu liễu phân minh 。

được đại định rồi, hành giả sẽ thấy đức A-Súc Phật ở phương Đông, nơi cõi nước Diệu-Hỷ rất rõ ràng.

如是十方。各見諸佛上妙國土。了了分明。

như thị thập phương 。 các kiến chư Phật thượng diệu quốc độ 。 liễu liễu phân minh 。

cũng như vậy mười phương chư Phật cùng cõi nước của chư Phật hiển bày rõ ràng trước mắt hành giả.

既見十方佛已。夢象頭上有一金剛人。

ký kiến thập phương Phật dĩ 。 mộng tượng đầu thượng hữu nhất Kim cương nhân 。 hành giả khi đã thấy mười phương chư Phật rồi. Nơi đầu voi trắng có một vị thần Kim-cang.

以金剛杵遍擬六根。擬六根已。普賢菩薩。為於行者。

dĩ Kim Cương xử biến nghĩ lục căn 。 nghĩ lục căn dĩ 。 Phổ Hiền Bồ Tát 。 vi u hành giả 。

dùng chày kim-cang phỏng theo sáu căn, khi đã xong. Phổ-Hiền bồ-tát đến trước hành giả.

說六根清淨懺悔之法。如是懺悔。一日至七日。

thuyết lục căn thanh tịnh sám hối chi Pháp 。 như thị sám hối 。 nhất nhật chí thất nhật 。 nói pháp sám-hối giúp sáu căn thanh-tịnh, như pháp sám-hối này, từ một ngày cho đến bảy ngày.

以諸佛現前三昧力故。普賢菩薩說法莊嚴故。

dĩ chư Phật hiện tiền tam muội lực cố 。 Phổ Hiền Bồ Tát thuyết Pháp trang nghiêm cố 。 sẽ được sức Tam-muội của chư Phật hiện tại trợ giúp. Phổ-Hiền bồ-tát trang-nghiêm thuyết-pháp.

耳漸漸聞障外聲。眼漸漸見障外事。

nhĩ tiệm tiệm văn chương ngoại thanh 。 nhãn tiệm tiệm kiến chương ngoại sự 。 tai của hành giả lần lần nghe được những âm thanh bị ngăn ngại khi trước, mắt lần thấy được những điều bị che lấp.

鼻漸漸聞障外香。廣說如妙法華經。

tỳ tiệm tiệm văn chương ngoại hương 。 quảng thuyết như diệu Pháp Hoa Kinh 。 mũi lần lần ngửi được mùi bên ngoài bị che lấp, trong khi hành giả nghe giảng rộng về kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa.

得是六根清淨已。身心歡喜無諸惡相。心純是法。與法相應。

đắc thị lục căn thanh tịnh dĩ 。 thân tâm hoan hỷ vô chư ác tướng 。 tâm thuần thị pháp 。 dữ Pháp tương ứng 。

hành giả được sáu căn thanh-tịnh rồi, thân tâm vui mừng vô hạn: thân không còn hiện ác-tướng, tâm thuận theo pháp cùng với pháp tương ứng.

復更得百千萬億旋陀羅尼。

phục cánh đắc bách thiên vạn ức toàn Đà-la-ni 。  
lại được trăm ngàn vạn ức tròn đủ Đà-la-ni.(Đại-định)

復更廣見百千萬億無量諸佛。是諸世尊。

phục cánh quảng kiến bách thiên vạn ức vô lượng chư Phật 。 thị chư Thế Tôn 。  
lại được rộng thấy trăm ngàn vạn ức vô lượng chư Phật, chư Phật nơi đây

各伸右手摩行者頭。而作是言。善哉善哉。行大乘者。

các thân hữu thủ ma hành giả đầu 。 nhi tác thị ngôn 。 Thiện tai thiện tai 。 hành Đại-Thừa giả 。

cùng thân hữu dùng tay mặt xoa đầu hành giả, mà nói rằng: Lành thay, lành thay, người tu hạnh Đại-thừa.

發大莊嚴心者。念大乘者。我等昔日發菩提心時。

phát đại trang nghiêm tâm giả 。 niệm Đại-Thừa giả 。 ngã đẳng tích nhật phát Bồ-đề tâm thời 。

là người phát tâm trang nghiêm rộng lớn, là người luôn nhớ nghĩ đến Đại-thừa. Chúng tôi khi xưa phát tâm Bồ-Đề(thành Phật)

皆亦如汝慇懃不失。我等先世行大乘故。

giai diệc như nhữ ân cần bất thất 。 ngã đẳng tiên thế hành Đại-Thừa cố 。

cũng như các vị giờ đây luôn ân cần không để sót mất. Chúng tôi là những người thực hành Đại-thừa trước đây.

今成清淨正遍知身。汝今亦當勤修不懈。

kim thành thanh tịnh Chánh-biến-Tri thân 。 nhữ kim diệc đương cần tu bất giải 。

nay được thân thanh-tịnh Chánh-Biến-Tri; các vị cũng nên chuyên cần tu tập.

此大乘典諸佛寶藏。十方三世諸佛眼目。

thử Đại-Thừa điển chư Phật bảo tạng 。 thập phương tam thế chư Phật nhãn mục 。

kinh điển Đại-thừa này chính là tròng mắt của mười phương ba đời chư Phật.

出生三世諸如來種。持此經者。即持佛身即行佛事。

xuất sanh tam thế chư Như Lai chủng 。 trì thử Kinh giả 。 tức trì Phật thân tức hành Phật sự 。

là nguồn sanh ra chư Như Lai trong ba đời. Người trì tụng kinh này, chính là gìn giữ thân Phật, chính là đang làm việc Phật.

當知是人。即是諸佛所使。諸佛世尊衣之所覆。

đương tri thị nhân 。 tức thị chư Phật sở sử 。 chư Phật Thế tôn y chi sở phước 。

nên biết nhân này chính là nhân mà chư Phật đã tu tạo, chư Phật y theo suy sét này.

諸佛如來真實法子。汝行大乘。不斷法種。

chư Phật Như Lai chân thật Pháp tử 。 như hành Đại-Thừa 。 bắt đoạn Pháp chủng 。  
chư Phật theo cách trên mà nhận ra những người con Phật chân thật, những người tu hạnh Đại-thừa, những người không bao giờ mất chủng tử Chánh-Pháp.

汝今諦觀東方諸佛。說是語時。

nhữ kim để quán Đông phương chư Phật 。 thuyết thị ngữ thời 。  
Nay các người hãy lắng nghe chư Phật ở phương Đông nói lời như vậy.

行者即見東方一切無量世界。地平如掌。無諸堆阜丘陵荆棘。

hành giả tức kiến Đông phương nhất thiết vô lượng thế giới 。 địa bình như chưởng 。 vô  
chư đôi phụ khâu lãng kinh cức 。  
người tu Đại-thừa liền được nhìn thấy vô lượng thế giới ở phương Đông, đất bằng như lòng bàn  
tay, không gò nổng, không lùm gai.

琉璃為地黃金間側。十方世界亦復如是。

lưu ly vi địa hoàng kim gian trắc 。 thập phương thế giới diệc phục như thị 。  
lưu ly là đất xen lẫn với vàng ròng, mười phương thế giới cũng đều như vậy.

見是地已。即見寶樹。寶樹高妙五千由旬。

kiến thị địa dĩ 。 tức kiến bảo thụ 。 bảo thụ cao diệu ngũ thiên do-tuần 。  
hành giả khi nhìn thấy đất rồi, liền thấy những cây báu, thân cao năm ngàn do tuần.

其樹常出黃金白銀七寶莊嚴。

kỳ thụ thường xuất hoàng kim bạch ngân thất bảo trang nghiêm 。  
những cây như ngọc quý này thường phát ra ánh sáng màu bạch kim cùng bảy màu ngọc khác rất  
trang nghiêm.

樹下自然有寶師子座。其師子座。高二十由旬。

thụ hạ tự nhiên hữu bảo sư tử tọa 。 kỳ sư tử tọa 。 cao nhị thập do-tuần 。  
dưới tán cây có bảo tòa sư tử, tòa sư tử này cao hai mươi do tuần.

座上亦出百寶光明。如是諸樹及餘寶座。一一寶座。

tọa thượng diệc xuất bách bảo quang minh 。 như thị chư thụ cập dư bảo tọa 。 nhất  
nhất bảo tọa 。

Vị ngồi tên bảo tọa cũng phát ra ánh sáng của trăm ngàn thứ ngọc, tất cả cây báu và bảo tòa đều  
như vậy, trên mỗi bảo tọa.

皆有自然五百白象。象上皆有普賢菩薩。

giai hữu tự nhiên ngũ bách bạch tượng 。 tượng thượng giai hữu Phổ Hiền Bồ Tát 。

đều tự nhiên có năm trăm bạch tượng, trên lưng mỗi bạch tượng đều có một hóa thân Phổ-Hiền  
bồ-tát.



爾時行者禮諸普賢。而作是言。我有何罪。

nhĩ thời hành giả lễ chư Phổ Hiền。 nhi tác thị ngôn。 ngã hữu hà tội 。

lúc bấy giờ hành giả đánh lễ chư hóa thân Phổ-Hiền bò-tát, mà bạch rằng: con có tội gì?

但見寶地寶座及與寶樹。不見諸佛。

đãn kiến bảo địa bảo tọa cập dữ bảo thụ 。

bất kiến chư Phật 。

mà chỉ thấy bảo tọa cùng bảo thụ, mà không thấy được chư Phật

作是語已。一一座上。有一世尊端嚴微妙。而坐寶座。

tác thị ngữ dĩ 。

nhất nhất tọa thượng 。

hữu nhất Thế Tôn đoan nghiêm vi diệu 。

nhĩ tọa bảo tọa 。

hành giả nói xong, tất cả trên các bảo tọa đều hiện ra một đức Phật đoan-nghiêm vi-diệu đang

ngồi.

見諸佛已心大歡喜。復更誦習大乘經典。

kiến chư Phật dĩ tâm đại hoan hỷ 。

hành giả khi được nhìn thấy chư Phật rồi sanh tâm vui mừng rất lớn, lại càng phát tâm tụng niệm

cùng tu tập theo kinh điển Đại-thừa.

大乘力故。空中有聲而讚歎言。

Đại-Thừa lực cố 。

không trung hữu thanh nhi tán thán ngôn 。

kinh Đại-thừa có oai lực lớn như thế, trong không trung phát ra lời khen ngợi.

善哉善哉善男子。汝行大乘功德因緣能見諸佛。

Thiện tai thiện tai Thiện nam tử 。

nhữ hành Đại-Thừa công đức nhân duyên năng kiến chư Phật 。

Lành thay, lành thay người trai lành, người thực hành theo Đại-thừa nên có công đức và nhân

duyên được nhìn thấy chư Phật.

今雖得見諸佛世尊。

kim tuy đắc kiến chư Phật Thế tôn 。

Nay người được nhìn thấy chư Phật Thế-Tôn.

而不能見釋迦牟尼佛分身諸佛及多寶佛塔。聞空中聲

nhĩ bất năng kiến Thích Ca Mâu Ni Phật phân thân chư Phật cập Đa-Bảo Phật tháp 。

văn không trung thanh dĩ 。

Nhưng lại không thấy phân thân của Phật Thích-ca Mâu-Ni cùng tháp Phật Đa-Bảo. Hành giả

nghe trong không trung vang lên lời như thế rồi.

復勤誦習大乘經典。以誦大乘方等經故。即於夢中。

phục cần tụng tập Đại thừa Kinh điển 。

dĩ tụng Đại-Thừa phương đẳng Kinh cổ 。

tức ư mộng trung 。

lại cần phải chuyên cần trì tụng cùng tu tập theo như Đại-thừa kinh điển, nhờ trì tụng Đại-thừa kinh, liền ở trong giấc mộng.

見釋迦牟尼佛。與諸大眾。在耆闍崛山。說法華經。

kiến Thích Ca Mâu Ni Phật 。 dữ chư Đại chúng 。 tại Kỳ-xà-Quật sơn 。 thuyết Pháp Hoa Kinh 。

thấy Phật Thích-Ca Mâu-Ni cùng Đại chúng đang ở tại núi Kỳ-Xà-Quật, Phật nói kinh Pháp-Hoa.

演一實義。教已懺悔。渴仰欲見。

diễn nhất thật nghĩa 。 giáo dĩ sám hối 。 khát ngưỡng dục kiến 。

Phật nói rõ nghĩa chân thật bậc nhất cùng phương pháp Sám-hối. Hành giả sanh lòng khát ngưỡng mong muốn được nhìn thấy.

合掌胡跪向耆闍崛山。而作是言。如來世雄常在世間。

hợp chưởng hồ quỳ hướng Kỳ-xà-Quật sơn 。 nhi tác thị ngôn 。 Như Lai thế hùng thường tại thế gian 。

hành giả chấp tay quỳ xuống, hướng về núi Kỳ-Xà-Quật, mà nói rằng: Đức Như-Lai thường trụ tại thế gian

愍念我故為我現身。作是語已。

mẫn niệm ngã cố vi ngã hiện thân 。 tác thị ngữ dĩ 。

xin thương xót cho con, vì con mà hiện thân, khi hành giả nói xong.

見耆闍崛山七寶莊嚴。無數比丘聲聞大眾。

kiến Kỳ-xà-Quật sơn thất bảo trang nghiêm 。 vô số Tỳ-kheo Thanh văn Đại chúng 。

liền thấy núi Kỳ-Xà-Quật được trang nghiêm bằng bảy báu, có vô số các Tỳ-Kheo Thanh-văn

寶樹行列寶地平正。復鋪妙寶師子之座。

bảo thụ hành liệt bảo địa bình chánh 。 phục phô diệu bảo sư tử chi tọa 。

những cây báu cùng bảo địa bằng phẳng, trên bảo tòa sư tử cao đẹp.

釋迦牟尼佛放眉間光。其光遍照十方世界。復過十方無量世界。

Thích Ca Mâu Ni Phật phóng my gian quang 。 kỳ quang biến chiếu thập phương thế giới 。

đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni phóng quang giữa chấn mài, ánh sáng này bao trùm khắp mười phương thế giới, lại vượt qua mười phương vô lượng thế giới.

此光至處。十方分身釋迦牟尼佛。一時雲集。

thử quang chí xứ 。 thập phương phân thân Thích Ca Mâu Ni Phật 。 nhất thời vân tập 。

khi hào quang này chiếu đến đâu, thì khắp mười phương phân thân của Phật Thích-Ca Mâu-Ni đều hội lại đó.

廣說如妙法華經。一一分身佛。身紫金色。

quảng thuyết như diệu Pháp Hoa Kinh 。 nhất nhất phân thân Phật 。 thân tử kim sắc 。

rộng tuyên bài kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, mỗi mỗi phân thân Phật đều hiện thành màu tím sáng rỡ.

身量無邊。坐師子座。百億無量諸大菩薩。

thân lượng vô biên 。 tọa sư tử tọa 。 bách ức vô lượng chư đại Bồ-tát 。

ánh sáng quanh thân nhiều vô lượng vô biên, ngồi trên tòa sư tử báo có vô lượng chư đại bồ-tát.

以為眷屬。一一菩薩。行同普賢。

đĩ vi quyến thuộc 。 nhất nhất Bồ Tát 。 hạnh đồng Phổ Hiền 。

là quyến thuộc, mỗi mỗi vị Bồ-tát đều có hạnh-nguyện đồng như Phổ-Hiền bồ-tát.

如此十方無量諸佛菩薩眷屬。亦復如是。大眾集已。

như thử thập phương vô lượng chư Phật Bồ-tát quyến thuộc 。 diệc phục như thị 。

giống như đây mười phương chư Phật đều có nhiều quyến thuộc như vậy. Đại chúng hội về.

見釋迦牟尼佛舉身毛孔放金色光。

kiến Thích Ca Mâu Ni Phật cử thân mao khổng phóng kim sắc quang 。

hành giả nhìn thấy Phật Thích-Ca Mâu-Ni từ chân lông phóng ra ánh sáng màu vàng ròng.

一一光中有百億化佛。諸分身佛。放眉間白毫大人相光。

nhất nhất quang trung hữu bách ức hóa Phật 。

trong mỗi luồng ánh sáng có hằng trăm ngàn triệu đức hóa Phật, các phân thân Phật này nơi giữa chần mài phóng ra ánh sáng trắng với một tướng người to lớn.

其光流入釋迦牟尼佛頂。見此相時。

kỳ quang lưu nhập Thích Ca Mâu Ni Phật đỉnh 。

hành giả khi nhìn thấy cảnh này rồi.

分身諸佛一切毛孔。出金色光。一一光中。

phân thân chư Phật nhất thiết mao khổng 。

từ chân lông các đức hóa Phật phát xuất ra ánh sáng sắc vàng, trong mỗi một ánh sáng

復有恒河沙微塵數化佛。爾時普賢菩薩。

phục hữu Hằng hà sa vi trần số hóa Phật 。

lại có hằng hà sa số chư hóa Phật. Lúc bấy giờ ngài Phổ-Hiền bồ-tát.

復放眉間大人相光。入行者心。既入心已。

phục phóng my gian Đại nhân tướng quang 。

lại phóng ánh sáng từ giữa chần mài của thân người lớn, tiến vào tâm hành giả, khi ánh sáng đã nhập tâm hành giả rồi.

行者自憶過去無數百千佛。所受持讀誦大乘經典。自見故身。

hành giả tự ức quá khứ vô số bách thiên Phật 。 sở thọ trì đọc tụng Đại thừa Kinh điển 。  
tự kiến cố thân 。

hành giả liền nhớ lại vô số trăm ngàn vị Phật ở quá khứ; cùng sự thọ trì đọc tụng kinh điển Đại-thừa, tự thấy thân mình ở quá khứ.

了了分明。如宿命通等無有異。豁然大悟。

liễu liễu phân minh 。 như tú mạng thông đấng vô hữu dị 。

chỗ thấy rất rõ ràng như người đã chứng Túc-mạn-thông không khác, tự nhiên thông suốt

得旋陀羅尼。百千萬億諸陀羅尼門。從三昧起。

đắc toàn Đà-la-ni 。

bách thiên vạn ức chư đà-la-ni môn 。

tùng tam muội khởi 。

được tròn đủ Đà-La-Ni( Đại định), trăm ngàn vạn ức môn Đà-La-Ni, nương vào Tam-muội để

khởi đầu.

面見一切分身諸佛。眾寶樹下坐師子床。

diện kiến nhất thiết phân thân chư Phật 。

chúng bảo thụ hạ tọa sư tử sàng 。

nhìn thấy tất cả phân thân chư Phật, dưới các cây báu đều có các bảo tọa sư tử.

復見琉璃地。如蓮華聚。從下方空中踊出。

phục kiến lưu ly địa 。

như liên hoa tụ 。

tòng hạ phương không trung dũng xuất 。

lại thấy đất bằng lưu ly, giống như hoa sen hội lại, từ thấp hướng lên không tỏa ra.

一一華間。有微塵數菩薩。結加趺坐。

nhất nhất hoa gian 。

hữu vi trần số Bồ Tát 。

kiết già phu tọa 。

trong mỗi đóa hoa sen có vô số Bồ-tát đang ngồi kiết-già thiền-định.

亦見普賢分身菩薩。在彼眾中讚歎大乘。

diệc kiến Phổ Hiền phân thân Bồ Tát 。

tại bỉ chúng trung tán thán Đại-Thừa 。

hành giả cũng thấy phân thân của Phổ-Hiền bồ-tát, ở trong chúng Bồ-tát khen ngợi pháp Đại-thừa.

時諸菩薩異口同音。教於行者清淨六根。或有說言。

thời chư Bồ-tát dị khẩu đồng âm 。

giáo ư hành giả thanh tịnh lục căn 。

hoặc hữu thuyết ngôn 。

lúc ấy các Bồ-tát cũng đồng nói lời dạy bảo cho hành giả được sáu căn thanh-tịnh, hoặc nói rằng:

汝當念佛。或有說言。汝當念法。或有說言。

nhữ đương niệm Phật 。

hoặc hữu thuyết ngôn 。

nhữ đương niệm Pháp 。

hoặc hữu thuyết ngôn 。

hành giả nên niệm Phật; hoặc nói rằng: hành giả nên nhớ nghĩ đến lời Phật dạy; hoặc nói rằng:

汝當念僧。或有說言。汝當念戒。或有說言。

nhữ đương niệm Tăng 。 hoặc hữu thuyết ngôn 。 nhữ đương niệm giới 。 hoặc hữu thuyết ngôn 。

hành giả nên nhớ nghĩ đến Tăng; hoặc nói rằng: hành giả nên nghĩ về giới luật; hoặc lại nói rằng:

汝當念施。或有說言。汝當念天。如此六法。

nhữ đương niệm thí 。 hoặc hữu thuyết ngôn 。 nhữ đương niệm thiên 。 như thử lục pháp 。

hành giả nên nhớ nghĩ đến bố-thí; hoặc lại nói rằng: hành giả nên nhớ nghĩ đến điều thiện, như thế tất cả là sáu cách.

是菩提心。生菩薩法。汝今應當於諸佛前發露先罪。

thị Bồ-đề tâm 。 sanh Bồ Tát Pháp 。 nhữ kim ứng đương ư chư Phật tiền phát lộ tiên tội 。

chính là Bồ-Đề-Tâm, nơi sanh ra bồ-tát-hạnh. Nay hành giả nên đối trước chư Phật nói lên những tội lỗi đã làm trước đây!

至誠懺悔。於無量世。眼根因緣貪著諸色。

chí thành sám hối 。 ư vô lượng thế 。 nhãn căn nhân duyên tham trước chư sắc 。

hết lòng thành ăn-năn sám-hối; từ vô-lượng kiếp, mắt tham nhìn sắc đẹp.

以著色故。貪愛諸塵。以愛塵故。受女人身。

dĩ trước sắc cố 。 tham ái chư trần 。 dĩ ái trần cố 。 thọ nữ nhân thân 。

vì thế sanh lòng tham luyến nơi sắc, ham muốn trần cảnh, nên thọ thân người nữ.

世世生處惑著諸色。色壞汝眼。為恩愛奴。

thế thế sanh xứ hoặc trước chư sắc 。 sắc hoại nhữ nhãn 。 vi ân ái nô 。

đời đời sanh ra các nơi đều tham đắm nơi sắc, tham sắc làm hư hoại mắt, hành giả chỉ là nô lệ của lòng tham sắc dục.

色使使汝經歷三界。為此弊使盲無所見。

sắc sử sử nhữ kinh lịch tam giới 。 vi thử tệ sử manh vô sở kiến 。

lòng tham sắc khiến cho hành giả trải qua ba cõi(Dục, Sắc, Vô sắc); vì những thứ giả dối này, khiến cho hành giả không thấy được sự thật.

今誦大乘方等經典。此經中說。十方諸佛色身不滅。

kim tụng Đại thừa phương đẳng Kinh điển 。 thử Kinh trung thuyết 。 thập phương chư Phật sắc thân bất diệt 。

nay hành giả trì tụng Đại-thừa Phương-Đẳng kinh điển, như trong kinh đã nói: mười phương chư Phật sắc thân không hề hư hoại.

汝今得見審實爾不。眼根不善傷害汝多。

nhữ kim đắc kiến thẩm thật nhĩ bất 。 nhãn căn bất thiện thương hại nhữ đa 。

hành giả nay được nhìn thấy những điều thâm sâu, mà tai không hề nghe, bởi những nghiệp ác của mắt đã gây đau đớn và tai hại rất nhiều.

隨順我語歸向諸佛。

tùy thuận ngã ngữ quy hướng chư Phật。

nay hành giả nên nương theo Phổ-Hiền bồ-tát, mà phát-nguyện quay về nương tựa với chư Phật.

釋迦牟尼說汝眼根所有罪咎。諸佛菩薩慧明法水。

Thích-Ca Mâu Ni thuyết như nhân căn sở hữu tội cữu。chư Phật Bồ-tát tuệ minh pháp thủy。

Thích-Ca-Mâu-Ni Phật nói: mắt của hành giả đã tạo quá nhiều tội lỗi; trí tuệ của chư Phật, chư Bồ-tát như nước sạch chánh-pháp.

願以洗除令我清淨。作是語已。遍禮十方佛。

nguyện dĩ tẩy trừ lệnh ngã thanh tịnh。 tác thị ngữ dĩ。 biến lễ thập phương Phật。

sẽ giúp tẩy rửa khiến cho thân tâm hành giả được thanh-tịnh, khi đã phát nguyện xong, hành giả chí thành lễ khắp mười phương chư Phật.

向釋迦牟尼佛大乘經典。復說是言。我今所懺。

hướng Thích Ca Mâu Ni Phật Đại thừa Kinh điển。 phục thuyết thị ngôn。 ngã kim sở sám

rồi hướng đến Đại-thừa kinh điển mà Phật Thích-Ca-Mâu-Ni đã nói; hành giả lại nói rằng: Nay xin sám-hối

眼根重罪障蔽穢濁。盲無所見。願佛大慈哀愍覆護。

nhân căn trọng tội chướng tế uế trược。 manh vô sở kiến。 nguyện Phật đại từ ai mẫn phước hộ。

tội-lỗi sâu nặng của mắt đã che lấp bởi như-úe, nên không thấy sự thật; xin chư Phật từ bi thương xót che chở bảo hộ

普賢菩薩乘大法船。普度一切。

Phổ Hiền Bồ Tát thừa Đại pháp thuyền。 phổ độ nhất thiết。

cho pháp thuyền Đại-thừa của Phổ-Hiền bồ-tát phổ độ tất cả chúng-sanh.

十方無量諸菩薩伴。唯願慈哀聽我悔過。

thập phương vô lượng chư Bồ-tát bạn。 duy nguyện từ ai thính ngã hối quá。

mười phương vô lượng chư bồ tát bạn ngài Phổ-Hiền; xin thương xót lắng nghe lời con(người tu hạnh Đại-thừa) sám-hối.

眼根不善惡業障法。如是三說。五體投地。正念大乘。心不忘捨。

nhân căn bất thiện ác nghiệp chướng Pháp。 như thị tam thuyết。 ngũ thể đầu địa。 chánh niệm Đại-Thừa。 tâm bất vong xả。

mắt không làm điều lành, tạo ác nghiệp ngăn che pháp lành, như đây hành giả nói lên ba lần, năm vóc cuối lạy, luôn nhớ nghĩ Đại-thừa không để tâm sao lãng.

是名懺悔眼根罪法。稱諸佛名。燒香散華。

thị danh sám hối nhãn căn tội Pháp 。 xung chur Phật danh 。 thiêu hương tán hoa 。  
Đây gọi là pháp sám-hối tội-lỗi nơi mắt. Xướng danh hiệu Phật, đốt hương dâng hoa.

發大乘意。懸繪幡蓋。說眼過患懺悔罪者。

phát Đại thừa ý 。 huyền tǎng phan cái 。 thuyết nhãn quá hoạn sám hối tội giả 。  
phát tâm rộng lớn theo Đại-thừa, treo lụa, phướng, nói rằng: mắt muốn vượt qua hoạn nạn nên  
phát tâm sám-hối.

此人現世見釋迦牟尼佛。及見分身無量諸佛。

thử nhân hiện thế kiến Thích Ca Mâu Ni Phật 。 cập kiến phân thân vô lượng chur Phật 。  
người này(hành giả)hiện đời được nhìn thấy Phật Thích-Ca Mâu-Ni cùng vô-lượng phân thân  
chur Phật.

阿僧祇劫不墮惡道。大乘力故。大乘願故。

a-tǎng-ki kiếp bất đọa ác đạo 。 Đại-Thừa lực cố 。 Đại-Thừa nguyện cố 。  
trải qua A-Tǎng-Kỳ kiếp không còn bị đọa vào ba đường ác(Ngạ quỷ, Địa ngục, Súc sanh, là do  
oai lực và nguyện lực của Đại-thừa vậy.

恒與一切陀羅尼菩薩共為眷屬。

hằng dữ nhất thiết đà la ni Bồ-tát cộng vi quyến thuộc 。  
luôn cùng tất cả Đà-La-Ni bồ tát làm quyến thuộc.

作是念者是為正念。若他念者名為邪念。是名眼根初境界相。

tác thị niệm giả thị vi chánh niệm 。 nhược tha niệm giả danh vi tà niệm 。 thị danh nhãn  
căn sơ cảnh giới tướng 。  
nếu nhớ nghĩ như trên là sự nhớ nghĩ chơn chánh, nếu khác đây là nhớ nghĩ sai quấy. Đây là giới  
tướng ban đầu của mắt.

淨眼根已。復更誦讀大乘經典。

Tịnh nhãn căn dĩ 。 phục cánh tụng độc Đại thừa Kinh điển 。  
khi mắt được thanh tịnh rồi lại tiếp tục đọc tụng Đại-thừa kinh điển.

晝夜六時胡跪懺悔。而作是言。我今云何。

trú dạ lục thời hồ quy sám hối 。 nhi tác thị ngôn 。 ngã kim vân hà 。  
Ngày đêm sáu lần hành giả quỳ chấp tay xin sám-hối. Nói như vậy: Con từ xưa đến nay

但見釋迦牟尼佛分身諸佛。不見多寶佛塔全身舍利。

đãn kiến Thích Ca Mâu Ni Phật phân thân chur Phật 。 bất kiến Đa-Bảo Phật tháp toàn thân  
xá lợi 。

chỉ thấy Phật Thích-Ca Mâu-Ni cùng phân thân chur Phật mà không thấy được tháp Phật Đa-Bảo  
với toàn thân xá-lợi.

多寶佛塔恒在不滅。我濁惡眼。是故不見。

Đa-Bảo Phật tháp hằng tại bất diệt 。 ngã trược ác nhãn 。 thị cố bất kiến 。

Tháp Phật Đa-Bảo luôn tồn tại không hề hư hoại, nhưng với mắt trần tục của con nên không thể thấy được

作是語已。復更懺悔。過七日已。

tác thị ngữ dĩ 。 phục cánh sám hối 。 quá thất nhật dĩ 。  
khi nói những lời này xong hành giả lại xin sám-hối, trải qua bảy ngày

多寶佛塔從地涌出。釋迦牟尼佛。即以右手開其塔戶。

Đa-Bảo Phật tháp tùng địa dũng xuất 。 Thích Ca Mâu Ni Phật 。 tức dĩ hữu thủ khai kỳ tháp hộ 。

Tháp Phật Đa-Bảo từ đất hiện lên, Phật Thích-Ca Mâu-Ni dùng tay phải mở cửa tháp

見多寶佛入普現色身三昧。一一毛孔。

kiến Đa-Bảo Phật nhập phổ hiện sắc thân tam muội 。 nhất nhất mao khổng 。

thấy Phật Đa-Bảo đang trong Phổ-Hiền Sắc-Thân Tam-Muội, mỗi mỗi chân lông

流出恒河沙微塵數光明。一一光明。有百千萬億化佛。

lưu xuất Hằng hà sa vi trần số quang minh 。 nhất nhất quang minh 。

phát ra hằng hà sa số vi trần ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng đều có trăm ngàn vạn ức đức hóa Phật.

此相現時。行者歡喜。讚偈遶塔滿七匝已。

thử tướng hiện thời 。 hành giả hoan hỷ 。 tán kệ nhiều tháp mãn thất tạp dĩ 。

khi những ảnh tượng này hiện ra hành giả rất vui mừng, xướng kệ ca ngợi, đi nhiều quanh bảo tháp bảy vòng.

多寶如來出大音聲。讚言法子。

Đa-Bảo Như Lai xuất Đại âm thanh 。 tán ngôn pháp tử 。

Đức Đa-Bảo Như-Lai phát ra tiếng nói to lớn, nghen ngợi hành giả.

汝今真實能行大乘。隨順普賢眼根懺悔。以是因緣。

nhữ kim chân thật năng hành Đại-Thừa 。 tùy thuận Phổ Hiền nhãn căn sám hối 。

Nay ngươi(hành giả) hết lòng tu hạnh Đại-thừa, nương theo lời Phổ-Hiền bỏ-tát mà sám-hối nghiệp-ác của mắt, chính nhân-duyên này.

我至汝所為汝證明。說是語已讚言。

ngã chí nhữ sở vi nhữ chứng minh 。

Ta(Đa-Bảo Phật) đến nơi đây chứng minh cho các ngươi, khi Phật Đa-Bảo nói xong, ngài khen rằng:

善哉善哉釋迦牟尼佛。能說大法。雨大法雨。

Thiện tai thiện tai Thích Ca Mâu Ni Phật 。

Lành thay, lành thay Phật Thích-Ca Mâu-Ni có thể nói pháp rộng lớn, mưa lớn Đại-thừa pháp.



成就濁惡諸眾生等。是時行者。見多寶佛塔已。  
thành tựu trực ác chur chúng sanh đặng 。 Thị thời hành giả 。 kiến Đa-Bảo Phật tháp dĩ 。  
giúp chúng-sanh trong đời ác trực thành tựu được chánh-quả. Lúc ấy hành giả thấy được tháp  
Phật Đa-Bảo rồi.

復至普賢菩薩所。合掌敬禮白言。大師教我悔過。  
phục chí Phổ Hiền Bồ Tát sở 。 hợp chưởng kính lễ bạch ngôn 。 Đại sư giáo ngã hối  
quá 。  
lại đi đến chỗ Phổ-Hiền bồ-tát quỳ gối chấp tay thưa rằng: Đại-sư dạy con(hành giả)biết hối-cải  
tội-lỗi đã làm!

普賢復言。汝於多劫。耳根因緣隨逐外聲。  
Phổ Hiền phục ngôn 。 nhữ ư đa kiếp 。 nhĩ căn nhân duyên tùy trực ngoại thanh 。  
Phổ-Hiền bồ-tát lại nói; các nguoi(hành giả)trong nhiều kiếp, tai chuyên nghe tiếng bên ngoài  
聞妙音時心生惑著。聞惡聲時起八百種煩惱賊害。  
văn Diệu-Âm thời tâm sanh hoặc trực 。 văn ác thanh thời khởi bát bách chủng phiền  
não tặc hại 。  
khi nghe tiếng êm-dịu thì sanh lòng mê thích, khi nghe tiếng chói tai thì trăm loại phiền-não nổi  
lên cướp hại(phước báo).

如此惡耳報得惡事。恒聞惡聲生諸攀緣。  
như thử ác nhĩ báo đắc ác sự 。 hằng văn ác thanh sanh chur phàn duyên 。  
như đây những nghiệp ác của tai, được trả lại bởi những điều ác, nên thường phải nghe những  
tiếng đáng ghét lại sanh ra các ràng buột

顛倒聽故。當墮惡道邊地邪見不聞法處。  
điên đảo thính cố 。 đương đọa ác đạo biên địa tà kiến bất văn Pháp xứ 。  
làm sai trật cái nghe(chơn thật) nên đọa vào đường ác, nơi hẻo lánh, nơi có hiểu biết sai lầm,  
không nghe được chánh-pháp.

汝於今日。誦持大乘功德海藏。  
nhữ ư kim nhật 。 tụng trì Đại-Thừa công đức hải tạng 。  
các nguoi hôm nay trì tụng kinh Đại-thừa công đức lớn như biển rộng.

以是緣故見十方佛。多寶佛塔現為汝證。  
dĩ thị duyên cố kiến thập phương Phật 。 Đa-Bảo Phật tháp hiện vi nhữ chứng 。  
do duyên lành này nay(hành giả)được nhìn thấy mười phương chur Phật. Tháp Phật Đa-Bảo vì  
các nguoi mà hiện ra chứng minh

汝應自當說已過惡懺悔諸罪。是時行者聞是語已。  
nhữ ưng tự đương thuyết kỷ quá ác sám hối chur tội 。 Thị thời hành giả văn thị ngữ  
dĩ 。

các người nên nêu lên những tội lỗi đã làm để sám-hối. Lúc hành giả nghe những lời này xong

復更合掌五體投地。而作是言。正遍知世尊。

phục cánh hợp chưởng ngũ thể đầu địa 。 nhi tác thị ngôn 。 Chánh-biến-Tri Thế Tôn 。  
liền chấp tay trái thân ra đất đánh lễ mà nói rằng:Đức Thế-Tôn Chánh-Biến-Tri

現為我證方等經典。為慈悲主。唯願觀我聽我所說。

hiện vì ngã chứng phương đẳng Kinh điển 。 vì từ bi chủ 。 duy nguyện quán ngã  
thính ngã sở thuyết 。

nay vì con(hành giả)mà chứng-minh Phương-Đẳng kinh-diễn, vì lòng từ-bi xin hãy nhìn con và  
nghe con thưa rằng.

我從多劫乃至今身。耳根因緣聞聲惑著。

ngã tùng đa kiếp nãi chí kim thân 。 nhĩ căn nhân duyên văn thanh hoặc trước 。

Con từ vô-lượng-kiếp cho đến thân này hôm nay; tai nghe lời mê hoặc, say mê

如膠著草。聞諸惡時起煩惱毒。

như giao trước thảo 。 văn chư ác thời khởi phiền não độc 。

như cỏ khô quên keo; tai nghe tiếng ác liền khởi tâm phiền-não và ác-độc.

處處惑著無暫停時。坐此竅聲勞我神識。墜墮三塗。

xứ xứ hoặc trước vô tạm đình thời 。 tọa thử khiểu thanh lao ngã thần thức 。

trụỵ đọa tam đồ 。

nơi nơi đều dính-mắc không tạm dừng được, chính chỗ nghe của tai làm cho thần-thức của con  
rất nặng-nề, nên phải rơi xuống ba đường khổ.

今始覺知。向諸世尊發露懺悔。既懺悔已。

kim thủy giác tri 。 hướng chư Thế Tôn phát lộ sám hối 。

Nay con mới biết nên xin hướng đến chư Thế-Tôn phát lộ sám-hối, khi hành giả đã sám-hối rồi

見多寶佛放大光明。其光金色。遍照東方及十方界。

kiến Đa-Bảo Phật phóng đại quang minh 。

kỳ quang kim sắc 。

biến chiếu Đông phương  
cập thập phương giới 。

hành giả thấy Phật Đa-Bảo phóng ra ánh sáng lớn, ánh sáng màu vàng ròng, bao trùm cả phương  
Đông và mười phương khác.

無量諸佛身真金色。東方空中作是唱言。

vô lượng chư Phật thân chân kim sắc 。

Đông phương không trung tác thị xưng ngôn 。

có vô lượng chư Phật thân vàng ròng, từ không trung nơi phương Đông nói lời như vậy:

此佛世尊。號曰善德。亦有無數分身諸佛。

thử Phật Thế tôn 。

hiệu viết thiện đức 。

diệc hữu vô số phân thân chư Phật 。

Đức Phật nơi phương Đông hiệu là Thiện-Đức cũng có vô số phân thân chư Phật.

坐寶樹下師子座上。結加趺坐。是諸世尊。

tọa bảo thụ hạ sư tử tọa thượng 。 kiết già phu tọa 。 thị chư Thế Tôn 。  
ngài ngồi kiết-già trên tòa sư tử phía dưới cây báu, các đức Thế-Tôn

一切皆入普現色身三昧。皆作是讚言。

nhất thiết giai nhập phổ hiện sắc thân tam muội 。 giai tác thị tán ngôn 。  
đều đang ở trong Phổ-Hiền Sắc-Thân Tam-Muội, đồng nói như vậy:

善哉善哉善男子。汝今讀誦大乘經典。汝所誦者。

Thiện tai thiện tai Thiện nam tử 。 nữ kim độc tụng Đại thừa Kinh điển 。 nữ sở tụng  
giả 。

Lành thay, lành thay người trai lành, người(hành giả) nay đang đọc tụng đại-thừa kinh điển,  
những gì người đọc tụng

是佛境界。說是語已。普賢菩薩。復更為說懺悔之法。

thị Phật cảnh giới 。 thuyết thị ngữ dĩ 。 Phổ Hiền Bồ Tát 。 phục cánh vi thuyết sám hối  
chi Pháp 。

là cảnh giới của chư Phật; khi chư Phật nói xong; ngài Phổ-Hiền bồ-tát lại nói về phương pháp  
sám-hối.

汝於前世。無量劫中。以貪香故。

nhữ ư tiền thế 。 vô lượng kiếp trung 。 dĩ tham hương cố 。

các người từ những đời trước trong vô-lượng-kiếp vì lòng ham thích mùi thơm.

分別諸識處處貪著。墮落生死。汝今應當觀大乘因。

phân biệt chư thức xứ xứ tham trước 。 đọa lạc sanh tử 。 nữ kim ứng đương quán Đại  
thừa nhân 。

phân biệt các căn nhận, mỗi mỗi đều tham đắm nên đọa vào sanh-tử, các người nay nên suy nghĩ  
đến nhân duyên của Đại-thừa.

大乘因者諸法實相。是聞是語已。

Đại thừa nhân giả chư pháp thật tướng 。 thị văn thị ngữ dĩ 。

nương theo Đại-thừa để biết để biết pháp thật tướng, vậy thì hãy nghe ta(Phổ-Hiền) nói

五體投地復更懺悔。既懺悔已當作是語。南無釋迦牟尼佛。

ngũ thể đầu địa phục cánh sám hối 。 ký sám hối dĩ đương tác thị ngữ 。 Nam mô Thích  
Ca Mâu Ni Phật 。

cuối đầu lay sát đất hết lòng sám-hối; khi sám-hối xong nên nói như vậy: Nam-mô Thích-Ca  
Mâu-Ni Phật 。

南無多寶佛塔。

Nam mô Đa-Bảo Phật tháp 。

Nam-mô Đa-Bảo Phật tháp 。

南無十方釋迦牟尼佛分身諸佛。作是語已。遍禮十方佛。

Nam mô thập phương Thích Ca Mâu Ni Phật phần thân chư Phật 。 tác thị ngữ dĩ 。 biến lễ thập phương Phật 。

Nam-mô thập phương Thích-Ca Mâu-Ni phân thân chư Phật 。 khi hành giả nói xong lại đánh lễ mười phương chư Phật.

南無東方善德佛。及分身諸佛。如眼所見。一一心禮。

Nam mô Đông phương thiện đức Phật 。 cập phần thân chư Phật 。 như nhãn sở kiến 。 nhất nhất tâm lễ 。

Nam-mô Đông phương Thiện-Đức Phật, cùng phần thân chư Phật; như chỗ mắt thấy mỗi mỗi thành tâm đánh lễ.

香華供養。供養畢已。胡跪合掌。

huang hoa cúng dường 。 cúng dường tất dĩ 。 hò quy hợp chưởng 。 cúng-dường hương-hoa; cúng-dường xong rồi, quỳ xuống chắp tay lại

以種種偈讚歎諸佛。既讚歎已。說十惡業懺悔諸罪。

dĩ chủng chủng kệ tán tán chư Phật 。 ký tán tán dĩ 。 thuyết thập ác nghiệp sám hối chư tội 。

dùng nhiều kệ ca ngợi chư Phật, sau khi ca ngợi chư Phật xong; hành giả tự nói lên mười nghiệp ác của mình để xin sám hối.

既懺悔已而作是言。我於先世無量劫時。

ký sám hối dĩ nhi tác thị ngôn 。 ngã ư tiên thế vô lượng kiếp thời 。 sau khi sám hối rồi; nên nói như vậy: Con từ vô-lượng-kiếp

貪香味觸造作眾惡。以是因緣無量世來。

tham hương vị xúc tạo tác chúng ác 。 dĩ thị nhân duyên vô lượng thế lai 。 do lòng ham thích tiếp xúc với mùi thơm mà đã tạo ra các nghiệp-ác, chính những ác-nghiệp này mà trong vô-lượng đời sau đó.

恆受地獄餓鬼畜生邊地邪見諸不善身。

hằng thọ địa ngục ngạ quỷ súc sanh biên địa tà kiến chư bất thiện thân 。 luôn đọa vào Địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sanh, chốn man-dã hay xứ có hiểu biết sai lầm là những điều làm cho thân đau khổ.

如此惡業今日發露。歸向諸佛正法之王。說罪懺悔。既懺悔已。

như thử ác nghiệp kim nhật phát lộ 。 quy hướng chư Phật chánh pháp chi Vương 。 thuyết tội sám hối 。 ký sám hối dĩ 。

những ác nghiệp đã làm nay xin nêu lên, xin quay về nương tựa nơi chánh-pháp chư Phật cao tột cùng, nêu lên tội-lỗi để cầu sám-hối, khi sám-hối rồi.

身心不懈。復更誦讀大乘經典。大乘力故。

thân tâm bất giải 。 phục cánh tụng đọc Đại thừa Kinh điển 。 Đại-Thừa lực cố 。

thân-tâm không lười biếng, lại đọc tụng kinh điển Đại-thừa, với oai-lực Đại-thừa

空中有聲。告言法子。

không trung hữu thanh 。 cáo ngôn pháp tử 。  
trong không trung vang lên tiếng, nói với hành giả

汝今應當向十方佛讚說大乘。於諸佛前自說己過。

nhữ kim ứng đương hướng thập phương Phật tán thuyết Đại-Thừa 。 ư chư Phật tiền tự thuyết kỷ quá 。

nay hành giả nên hướng đến mười phương chư Phật mà ca ngợi pháp Đại-thừa, đối trước chư Phật tự mình nói lên những tội-lỗi đã tạo.

諸佛如來是汝慈父。汝當自說舌根所作不善惡業。

chư Phật Như Lai thị nhữ Từ Phụ 。 nhữ đương tự thuyết thiết căn sở tác bất thiện ác nghiệp 。

chư Phật Như-Lai như là cha lành của người, người nên tự nói về những nghiệp ác do lưỡi đã tạo ra.

此舌根者。動惡業相。妄言綺語惡口兩舌。誹謗妄語。

thử thiết căn giả 。 động ác nghiệp tướng 。 vọng ngôn khi ngữ ác khẩu lưỡng thiết 。 phi báng vọng ngữ 。

chính lưỡi này gây ra các nghiệp ác như: nói-dối, nói lời hung-ác, nói lưỡi hai chiều, nói lời chê-bai, mán-nhiếc.

讚歎邪見。說無益語。如是眾多諸雜惡業。

tán tán tà kiến 。 thuyết vô ích ngữ 。 như thị chúng đa chư tạp ác nghiệp 。

ca tụng những thấy biết sai-lầm, nói những lời vô-ích như thế lưỡi đã tạo ra nhiều tội-lỗi hỗn-tạp.

構鬪壞亂法說非法。如是眾罪。今悉懺悔。

cấu đấu hoại loạn Pháp thuyết phi Pháp 。 như thị chúng tội 。 kim tất sám hối 。

hiếu biết lờ-mờ nhưng vì lòng tranh thắng làm hư-hoại, đảo-lộn chánh-pháp, những tội-lỗi như thế nay đều xin sám-hối.

諸世雄前。作是語已五體投地。遍禮十方佛。

chư thế hùng tiền 。 tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa 。 biến lễ thập phương Phật 。

đối trước chư Phật phát-lồ sám-hối xong, đầu lạy dưới đất đánh lễ mười phương chư Phật.

合掌長跪當作是語。此舌過患無量無邊。

hợp chưởng trường quy đương tác thị ngữ 。 thử thiết quá hoạn vô lượng vô biên 。

quỳ gối chấp tay và nên nói như vậy: lưỡi này đã trải qua vô-lượng vô-biên hoạn-nạn.

諸惡業刺從舌根出。斷正法輪從此舌起。

chư ác nghiệp thứ từng thiết căn xuất 。 đoạn chánh Pháp luân tòng thử thiết khởi 。

các ác nghiệp đều từ lưỡi mà thành, xa lìa chánh-pháp cũng tại lưỡi mà ra.

如此惡舌斷功德種。於非義中多端強說。

như thử ác thiết đoạn công đức chủng 。 u phi nghĩa trung đa đoan cường thuyết 。 chính những việc ác của lưỡi đã làm đứt đoạn việc tu tạo công-đức, đối với những việc sai, thì luôn cố-gắng thuyết-phục.

讚歎邪見如火益薪。猶如猛火傷害眾生。

tán tán tà kiến như hỏa ích tân 。 do như mãnh hỏa thương hại chúng sanh 。 tán thưởng những thấy biết sai lầm, như cũ giúp ích cho lửa và chính ngọn lửa mạnh này đã thiêu đốt mọi người.

如飲毒者無瘡死。如此罪報惡邪不善。

như ẩm độc giả vô sang vu tử 。 như thử tội báo ác tà bất thiện 。 cũng như người uống thuốc độc, chết không phải vì bị thương hay ung-bứ; giống như đây do những tội báo của ác nghiệp.

當墮惡道百劫千劫。以妄語故墮大地獄。

đương đọa ác đạo bách kiếp thiên kiếp 。 dĩ vọng ngữ cố đọa đại địa ngục 。 nên phải đọa vào đường ác trong trăm kiếp hay ngàn kiếp. Vì tội vọng-ngữ cho nên phải bị đọa vào ngục lớn.

我今歸向南方諸佛發露黑惡。作是念時。空中有聲。

ngã kim quy hướng Nam phương chư Phật phát lộ hắc ác 。 tác thị niệm thời 。 không trung hữu thanh 。

Nay con xin quay về nương tựa với chư Phật nơi phương Nam, tự nói lên những việc ác đã làm, khi hành giả phát tâm sám-hối, trong không trung có âm-thanh.

南方有佛名栴檀德。彼佛亦有無量分身。一切諸佛。

Nam phương hữu Phật danh chiên đàn đức 。 bị Phật diệc hữu vô lượng phân thân 。

phương Nam có Phật hiệu là Chiên-Đàn-Đức, ngài có vô-lượng phân thân, tất cả các phân thân

皆說大乘除滅罪惡。如此眾罪。

giai thuyết Đại-Thừa trừ diệt tội ác 。 như thử chúng tội 。

đều nói pháp Đại-thừa giúp hành giả tiêu-trừ tội-ác, như những tội-lỗi đã nêu trên.

今向十方無量諸佛大悲世尊。發露黑惡誠心懺悔。

kim hướng thập phương vô lượng chư Phật đại bi Thế Tôn 。

nay con xin hướng đến mười phương vô-lượng chư Phật Đại-Bi Thế-Tôn, nêu lên những việc ác đã làm thành-tâm sám-hối.

說是語已。五體投地。復禮諸佛。是時諸佛。

thuyết thị ngữ dĩ 。

ngũ thể đầu địa 。

phục lễ chư Phật 。

Thị thời chư Phật 。

phát lồ sám-hối xong, đầu mình lạy dưới đất đảnh lễ chư Phật. Lúc bấy giờ chư Phật

復放光明照行者身。令其身心自然歡喜。

phục phóng quang minh chiếu hành giả thân 。 lệnh kỳ thân tâm tự nhiên hoan hỉ 。  
lại phóng ánh sáng chiếu trên thân hành giả, khiến cho thân-tâm hành giả vô cùng vui-sướng

發大慈悲普念一切。

phát đại từ bi phổ niệm nhất thiết 。

hành giả phát-tâm từ-bi rộng lớn mong mỗi tất-cả chúng-sanh( phát tâm tu theo Đại-thừa).

爾時諸佛廣為行者。說大慈悲及喜捨法。

nhĩ thời chư Phật quảng vi hành giả 。 thuyết đại từ bi cập hỷ xả Pháp 。

lúc bấy giờ chư Phật vì muốn nhiều lợi ích cho hành giả nên nói pháp đại Từ-Bi và đại Hỷ-Xả

亦教愛語修六和敬。爾時行者。

diệc giáo ái ngữ tu lục hòa kính 。

cũng dạy hành giả nói lời diệu dàng cùng sáu pháp hòa kính. Lúc bấy giờ hành giả

聞此教勅心大歡喜。復更誦習終不懈息。

văn thử giáo sắc tâm đại hoan hỉ 。

nghe những lời dạy này xong tâm rất vui mừng, lại càng phát tâm độc tụng, thực hành (Đại-thừa kinh) cho đến cuối đời không lơ là dù trong một hơi thở.

空中復有微妙音聲出如是言。汝今應當身心懺悔。

không trung phục hữ vi diệu âm thanh xuất như thị ngôn 。

trong không trung phát ra âm thanh vi diệu mà nói như vậy: Hành giả nay đem cả thân-tâm mà sám-hối.

身者殺盜婬。心者念諸不善。造十惡業及五無間。

thân giả sát đạo dâm 。

ác-nghiệp của thân là giết-hại, trộm-cắp và tà-dâm; tâm thì là những ý nghĩ độc-ác; chúng tạo thành Mười Nghiệp-Ác và Năm Tội Vô-Gián

猶如猿猴。亦如羶膠。

do như viên hầu 。

tâm lăng xăng như khí, lại dính mắc như keo.

處處貪著遍至一切六情根中。此六根業。枝條華葉。

xứ xứ tham trước biến chí nhất thiết lục tình căn trung 。

mỗi chỗ tham đắm gồm đủ cả sáu căn, sáu căn như những cành nhỏ của hoa và lá

悉滿三界二十五有一切生處。亦能增長無明老死十二苦事。

tất mãn tam giới nhị thập ngũ hữu nhất thiết sanh xứ。 diệt năng tăng trưởng vô minh  
lão tử thập nhị khổ sự 。

đầy đủ trong Tam-Giới có hai mươi lăm nơi sanh(Đau khổ:5căn,5Trần,5thức=5cảm=5ái), có khả  
năng làm tăng trưởng từ Vô-Minh tới Lão-Tử, Mười hai nhân-duyên.

八邪八難無不經中。

bát tà bát nạn vô bất Kinh trung 。

tám tà, tám nạn thì không thể không trải qua

汝今應當懺悔如是惡不善業。爾時行者聞此語已。問空中聲。

nhữ kim ứng đương sám hối như thị ác bất thiện nghiệp 。

nhĩ thời hành giả văn thử ngữ  
đĩ 。

vấn không trung thanh 。

các hành giả như đây mà sám hối các nghiệp ác. Lúc bấy giờ hành giả nghe những lời này xong,  
bèn hướng lên không trung mà hỏi rằng:

我今何處行懺悔法。時空中聲即說是語。

ngã kim hà xứ hành sám hối Pháp 。

thời không trung thanh tức thuyết thị ngữ 。

Nay con nên đến nơi nào để thực hành pháp sám hối? Trong không trung liền phát ra tiếng nói  
như vậy:

釋迦牟尼名毘盧遮那遍一切處。

Thích-Ca Mâu Ni danh Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ 。

Phật Thích-Ca Mâu-Ni còn có hiệu là Tỳ-Lô-Giá-Na bao trùm tất cả các xứ.

其佛住處名常寂光。常波羅蜜所攝成處。我波羅蜜所安立處。

kỳ Phật trụ xứ danh thường tịch quang 。

thường Ba-la-mật sở nhiếp thành xứ 。

ngã Ba-la-mật sở an lập xứ 。

Trụ xứ của Phật gọi là Thường-Tịch-Quang, Thường-Ba-La-Mật là nơi tiếp-độ, Ngã-Ba-La-Mật  
là nơi an-lập.

淨波羅蜜滅有相處。

tịnh Ba-la-mật diệt hữu tướng xứ 。

Tịnh-Ba-La-Mật thì không có nơi chốn

樂波羅蜜不住身心相處。不見有無諸法相處。如寂解脫。

lạc Ba-la-mật bất trụ thân tâm tướng xứ 。

bất kiến hữu vô chư Pháp tướng xứ 。

như tịch giải thoát 。

Lạc-Ba-La-Mật là nơi không còn tướng của thân-tâm, không thấy, không còn nơi chốn cho các  
pháp-tướng, giống như Tịnh-Giải-Thoát.

乃至般若波羅蜜。是色常住法故。

nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật 。

thị sắc thường trụ pháp cố 。

cho đến Bát-Nhã-Ba-La-Mật thì Sắc lại chính là pháp thường-trụ.



如是應當觀十方佛。時十方佛各伸右手。

như thị ứng đương quán thập phương Phật 。 thời thập phương Phật các thân hữu thủ 。  
như đây nên quán tưởng mười phương chư Phật, lúc ấy mười phương chư Phật duỗi cánh tay  
phải xoa đầu hành giả

摩行者頭作如是言。善哉善哉善男子。汝誦讀大乘經故。

ma hành giả đầu tác như thị ngôn 。 Thiện tai thiện tai Thiện nam tử 。 nử tụng độc Đại  
thừa Kinh cổ 。

khi xoa đầu hành giả chư Phật nói rằng: Lành thay, lành thay người trai lành, người độc tụng  
kinh Đại-thừa rồi

十方諸佛。說懺悔法菩薩所行。

thập phương chư Phật 。 thuyết sám hối Pháp Bồ Tát sở hạnh 。

mười phương chư Phật dạy phương-pháp sám-hối như hạnh-nguyện của Phổ-Hiền bồ-tát.

不斷結使不住使海。觀心無心。從顛倒想起。如此想心。

bất đoạn kết sử bất trụ sử hải 。 quán tâm vô tâm 。 từng điên đảo tưởng khởi 。 như thử  
tưởng tâm 。

chưa đoạn Kết-Sử nhưng không bị phiền-não sai khiến, quán Tâm là không, từ những ý nghĩ  
điên đảo mà cứ tưởng là Tâm.

從妄想起。如空中風無依止處。

từng vọng tưởng khởi 。 như không trung phong vô y chỉ xứ 。

từ vọng-tưởng phát sanh, như trong không trung gió không có nơi xuất phát.

如是法相不生不滅。何者是罪。何者是福。我心自空。

như thị pháp tướng bất sanh bất diệt 。 hà giả thị tội 。 hà giả thị phước 。 ngã tâm tự  
không 。

như thế pháp-tướng cũng không sanh, không diệt; vậy thì tội là gì?, phước là gì? Tâm của hành  
giả chính là không.

罪福無主。一切法如是。無住無壞。如是懺悔。

tội phước vô chủ 。 nhất thiết pháp như thị 。 vô trụ vô hoại 。 như thị sám hối 。

tội phước không có chủ, tất cả pháp đều như vậy, không còn mãi cũng không hư-hoại, đây là  
sám-hối.

觀心無心。法不住法中。諸法解脫滅諦寂靜。

quán tâm vô tâm 。 Pháp bất trụ pháp trung 。 chư Pháp giải thoát diệt đế tịch tĩnh 。

quán Tâm là không, quán pháp không có trong pháp, các pháp giải thoát đều mất hết chính là  
tịch-tĩnh.

如是想者名大懺悔。名莊嚴懺悔。

như thị tưởng giả danh Đại sám hối 。 danh trang nghiêm sám hối 。

như ý trên, phương pháp này giả gọi là Đại sám-Hối, hay Trang-Nghiêm Sám-Hối.

名無罪相懺悔。名破壞心識。行此懺悔者。

danh vô tội tướng sám hối。 danh phá hoại tâm thức。 hành thử sám hối giả。  
hay Vô-Tội-Tướng sám-hối; hay cũng gọi là Phá-Hoại Tâm-Thức của người thực-hành pháp sám-hối này.

身心清淨不住法中。猶如流水。念念之中。

thân tâm thanh tịnh bất trụ pháp trung。 do như lưu thủy。 niệm niệm chi trung。  
thân-tâm thanh-tịnh không trụ vào pháp; giống như giòng nước mỗi niệm đều trong đó.

得見普賢菩薩及十方佛。時諸世尊。以大悲光明。

đắc kiến Phổ Hiền Bồ Tát cập thập phương Phật。 thời chư Thế Tôn。 dĩ đại bi quang  
minh。

hành giả thấy Phổ-Hiền bồ-tát cùng mười phương chư Phật. Lúc ấy chư Thế-Tôn dùng ánh sáng  
lớn

為於行者說無相法。行者聞說第一義空。行者聞已。

vi ư hành giả thuyết vô tướng Pháp。 hành giả văn thuyết đệ nhất nghĩa không。 hành giả  
văn dĩ。

vi hành giả mà nói pháp Vô-Tướng, hành giả được nghe về nghĩa không cao nhất, sau khi hành  
giả đã nghe xong.

心不驚怖。應時即入菩薩正位。佛告阿難。

tâm bất kinh phố。 ứng thời tức nhập Bồ Tát chánh vị。 Phật cáo A-nan。  
tâm không kinh sợ, nên liền được quả vị Bồ-Tát. Phật bảo ngài A-Nan

如是行者。名為懺悔。此懺悔者。十方諸佛。

như thị hành giả。 danh vi sám hối。 thử sám hối giả。 thập phương chư Phật。

như vậy theo đây mà làm thì gọi là sám-hối. Pháp sám-hối này được mười phương chư Phật

諸大菩薩。所懺悔法。佛告阿難。佛滅度後。

chư đại Bồ-tát。 sở sám hối Pháp。 Phật cáo A-nan。 Phật diệt độ hậu。  
chư đại Bồ-tát dùng làm pháp sám-hối cho các vị. Phật lại bảo ngài A-Nan

佛諸弟子。若有懺悔惡不善業。

Phật chư đệ tử。 nhược hữu sám hối ác bất thiện nghiệp。

Hàng đệ tử Phật, nếu có người sám-hối mười nghiệp-ác

但當誦讀大乘經典。此方等經是諸佛眼。

đãn đương tụng đọc Đại thừa Kinh điển。 thử phương đẳng Kinh thị chư Phật nhãn。

thì nên đọc tụng kinh điển Đại-thừa; như kinh Phương-Đẳng này chính là trông mắt của chư Phật.

諸佛因是得具五眼。佛三種身從方等生。

chư Phật nhân thị đắc cụ ngũ nhãn 。 Phật tam chủng thân tùng phương đẳng sanh 。  
chư Phật nhân theo kinh này mà được đầy đủ ngũ nhãn. Ba thân của Phật cũng từ kinh Phương-  
Đẳng mà sanh ra.

是大法印印涅槃海。如此海中。能生三種佛清淨身。

thị Đại pháp ấn ấn Niết-Bàn hải 。 như thử hải trung 。 năng sanh tam chủng Phật thanh  
tịnh thân 。

đây chính là Đại-pháp ấn, ấn Niết-Bàn-Hải, chính trong biển này là cội nguồn của ba thân Phật  
thanh-tịnh phát sanh.

此三種身。人天福田應供中最。

thử tam chủng thân 。 nhân thiên phước điền Ứng-Cúng trung tối 。

Ba thân Phật chính là bậc cao nhất trong Phước-Điền Ứng-Cúng của cõi Trời cõi Người.

其有誦讀大方等典。當知此人具佛功德。諸惡永滅從佛慧生。

kỳ hữu tụng độc Đại phương đẳng điển 。 đương tri thử nhân cụ Phật công đức 。 chư  
ác vĩnh diệt tùng Phật tuệ sanh 。

Người đọc tụng kinh Đại-thừa Phương-Đẳng, thì nên biết người đó có đầy đủ công đức như Phật,  
các điều ác hoàn-toàn tiêu-diệt, theo Phật mà sanh trí-tuệ.

爾時世尊。而說偈言。

nhĩ thời Thế Tôn 。 nhi thuyết kệ ngôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn nói kệ sau:

若有眼根惡 業障眼不淨  
nhược hữu nhãn căn ác  ngiệp chướng nhãn  bất tịnh  
nếu mắt nhìn tà ác  mắt tạo nghiệp như đục

但當誦大乘  思念第一義  
đãn đương tụng Đại-Thừa  tư niệm đệ nhất nghĩa  
nên tụng đại-thừa kinh  nhớ nghĩ nghĩa đệ nhất

是名懺悔眼  盡諸不善業  
thị danh sám hối nhãn  tận chư bất thiện nghiệp  
gọi là sám-hối mắt  khi nghiệp-ác tiêu-trừ hết

耳根聞亂聲  壞亂和合義  
nhĩ căn văn loạn thanh  hoại loạn hòa hợp nghĩa  
tai nghe tiếng náo loạn  sai quấy không thành nghĩa

由是起狂亂  猶如癡獼猴  
do thị khởi cuồng loạn  do như si viên hầu  
do đây điên loạn khởi  do hoài-nghi như khỉ

但當誦大乘  觀法空無相

đần đờng tụng Đại-Thừa quán pháp không vô tướng  
phải nên tụng đại-thừa quán pháp Không, không tướng

永盡一切惡 天耳聞十方  
vĩnh tận nhất thiết ác thiên nhĩ văn thập phương  
diệt tận tất cả ác thiên nhĩ nghe mười phương

鼻根著諸香 隨染起諸觸  
Tỳ căn trước chư hương tùy nhiễm khởi chư xúc  
mũi say đắm mùi thơm theo chỗ đắm khởi xúc

如此狂惑鼻 隨染生諸塵  
như thử cuồng hoặc tỳ tùy nhiễm sanh chư trần  
như đây điên đảo mũi tùy chỗ mê sanh trần

若誦大乘經 觀法如實際  
nhược tụng Đại thừa Kinh quán Pháp như thật tế  
nếu tụng đại-thừa kinh quán pháp chơn thật thể

永離諸惡業 後世不復生  
vĩnh ly chư ác nghiệp hậu thế bất phục sanh  
vĩnh-viễn xa ác-nghiệp đời sau không tái phạm

舌根起五種 惡口不善業  
thiệt căn khởi ngũ chủng ác khẩu bất thiện nghiệp  
lưỡi tạo năm điều ác lời ác tạo nghiệp ác

若欲自調順 應勤修慈心  
nhược dục tự điều thuận ưng cần tu từ tâm  
nếu muốn tự điều phục nên cần phát tâm từ

思法真寂義 無諸分別相  
tư Pháp chân tịch nghĩa vô chư phân biệt tướng  
suy nghiệm pháp chơn thật không có tướng phân biệt

心根如猿猴 無有暫停時  
tâm căn như viên hầu vô hữu tạm đình thời  
gốc tâm như khỉ vượn không có lúc tạm ngừng

若欲折伏者 當勤誦大乘  
nhược dục chiết phục giả đương cần tụng Đại-Thừa  
nếu muốn kiềm thúc chúng cần phải tụng đại-thừa

念佛大覺身 力無畏所成  
niệm Phật đại giác thân lực vô úy sở thành

nhớ thân Phật Đại giác                      do vô úy mà có

身為機關主      如塵隨風轉  
thân vi ky quan chủ      như trần tùy phong chuyển  
thân gồm những cơ phận      như bụi theo gió bay

六賊遊戲中      自在無罣礙  
lục tặc du hí trung      tự tại vô quái ngại  
sáu giặc dạo trong thân      không có gì ngăn trở

若欲滅此惡      永離諸塵勞  
nhược diệt thử ác      vĩnh ly chư trần lao  
muốn trừ ác-nghiệp này      mãi mãi xa trần lao

常處涅槃城      安樂心恬怕  
thường xứ Niết Bàn thành      an lạc tâm điềm phạ  
thường ở nơi Niết-Bàn      tâm an không lo sợ

當誦大乘經      念諸菩薩母  
đương tụng Đại thừa Kinh      niệm chư Bồ-tát mẫu  
nên tụng kinh Đại-thừa      nhớ đến hạnh bồ-tát

無量勝方便      從思實相得  
vô lượng thắng phương tiện      tùng tư thật tướng đắc  
vô-lượng cách tối thắng      từ thật tướng mà được

如此等六法      名為六情根  
như thử đẳng lục pháp      danh vi lục tình căn  
như đây có sáu điều      gọi là sáu gốc tình

一切業障海      皆從妄想生  
nhất thiết nghiệp chương hải      giai tùng vọng tưởng sanh  
tất cả trong biển nghiệp      đều từ vọng tưởng sanh

若欲懺悔者      端坐念實相  
nhược diệt sám hối giả      đoan tọa niệm thật tướng  
nếu ai muốn sám-hối      ngồi an nghĩ thật tướng

眾罪如霜露      慧日能消除  
chúng tội như sương lộ      tuệ nhật năng tiêu trừ  
các tội như sương sớm      trí tuệ diệt được chúng

是故應至心      懺悔六情根  
thị cố ưng chí tâm      sám hối lục tình căn  
vì thế nên chí tâm      sám-hối sáu gốc tình

說是偈已。佛告阿難。

thuyết thị kệ dĩ 。 Phật cáo A-nan 。

nói kệ xong, Phật bảo ngài A-Nan

汝今持是懺悔六根觀普賢菩薩法。普為十方諸天世人。廣分別說。

nhữ kim trì thị sám hối lục căn quán Phổ Hiền Bồ Tát Pháp 。 phổ vi thập phương chư Thiên thể nhân 。 quảng phân biệt thuyết 。

hành giả nay thực hành pháp quán Phổ-Hiền bồ-tát để sám-hối sáu gốc tình, pháp này trải rộng khắp mười phương trời, người, phân rộng ra mà nói.

佛滅度後。佛諸弟子。

Phật diệt độ hậu 。

Sau khi Phật Niết-bàn, các đệ tử Phật

若有受持讀誦解說方等經典。應於靜處。若在塚間。若林樹下。

nhược hữu thọ trì đọc tụng giải thuyết phương đẳng Kinh điển 。

nếu có người đọc tụng, giảng nói về kinh Phương-Đẳng, nên ở nơi yên tĩnh, nếu ở nơi gò cao, nếu dưới tàn cây trong rừng

阿練若處誦讀方等。思大乘義。念力強故。

a-luyện-nhã xứ tụng đọc phương đẳng 。

là nơi thanh tịnh để đọc tụng kinh Phương-Đẳng, suy nghĩ về nghĩa Đại-thừa, nhớ nghĩ vững chắc

得見我身及多寶佛塔。十方分身無量諸佛。

đắc kiến ngã thân cập Đa-Bảo Phật tháp 。

hành giả được thấy thân Ta(Thích-Ca) và tháp Phật Đa-Bảo cùng vô lượng phân thân Phật ở mười phương

普賢菩薩。文殊師利菩薩。藥王菩薩。

Phổ Hiền Bồ Tát 。

Phổ-Hiền Bồ-Tát 。

藥上菩薩恭敬法故。持諸妙華住立空中。

dược thượng Bồ-tát cung kính Pháp cố 。

Dược-Thượng Bồ-tát đều kính trọng Pháp này, bung các lò hương đứng giữa không trung

讚歎恭敬行持法者。但誦大乘方等經故。諸佛菩薩。

tán tán cung kính hành trì pháp giả 。

đăn tụng Đại-Thừa phương đẳng Kinh cố 。

Bồ-tát 。

cung-kính ca ngợi người tu pháp này, hành giả liên tụng Đại-thừa kinh Phương-Đẳng, chú Phật Bồ-Tát

晝夜供養是持法者。佛告阿難。

trú dạ cúng dường thị trì pháp giả 。 Phật cáo A-nan 。

ngày đêm đến cúng dường hành giả người tu pháp này. Phật bảo ngài A-Nan.

我與賢劫諸菩薩及十方諸佛。因思大乘真實義故。

ngã dữ hiền kiếp chú Bồ-tát cập thập phương chú Phật 。 nhân tư Đại-Thừa chân thật nghĩa cố 。

Ta(Thích-Ca) trong nhiều kiếp ở quá khứ, các Bồ-Tát và mười phương chú Phật, do nhân duyên nhớ nghĩ về nghĩa chơn thật của Đại-thừa

除却百萬億億劫阿僧祇數生死之罪。

trừ khước bách vạn ức ức kiếp a-tăng-kì số sanh tử chi tội 。

mà tiêu trừ được trăm ngàn vạn ức kiếp A-Tăng-Kỳ tội nghiệp sanh tử

因此勝妙懺悔法故。今於十方各得為佛。

nhân thử thắng diệu sám hối Pháp cố 。

do pháp sám-hối thù-thắng vi-diệu này vậy; nay ở mười phương đắc thành quả Phật

若欲疾成阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược dục tât thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề giả 。

nếu hành giả muốn mau chứng quả A-Nậu-Đa-La-Tam-Miệu-Tam-Bồ-Đề

若欲現身見十方佛及普賢菩薩。當淨澡浴著淨潔衣。燒眾名香。

nhược dục hiện thân kiến thập phương Phật cập Phổ Hiền Bồ Tát 。

đương tịnh tảo dục trước tịnh khiết y 。

thieu chúng danh hương 。

nếu muốn trong đời này được thấy mười phương chú Phật cùng Phổ-Hiền Bồ-Tát thì nên tắm rửa, giặt Y sạch, thắp hương thơm

在空閑處。應當誦讀大乘經典思大乘義。

tại không nhàn xứ 。

ứng đương tụng đọc Đại thừa Kinh điển tư Đại-Thừa nghĩa 。

ở tại nơi trống trải, an nhàn nên đọc tụng kinh điển Đại-thừa, nhớ ý nghĩa Đại-thừa

佛告阿難。若有眾生。欲觀普賢菩薩者。當作是觀。

Phật cáo A-nan 。

nhược hữu chúng sanh 。

dục quán Phổ Hiền Bồ Tát giả 。

đương tác thị quán 。

Phật bảo ngài A-Nan: nếu có chúng sanh nào muốn nhìn thấy ngài Phổ-Hiền Bồ Tát thì nên như đây mà quán sát.

作是觀者是名正觀。若他觀者是名邪觀。

tác thị quán giả thị danh chánh quán 。

nhược tha quán giả thị danh tà quán 。

quán sát như trên đây là chánh quán, nếu làm khác đây là tà quán( sai lầm)

佛滅度後佛諸弟子。隨順佛語行懺悔者。

Phật diệt độ hậu Phật chư đệ tử。 tùy thuận Phật ngữ hành sám hối giả。 sau khi Phật nhập Niết-Bàn, các đệ tử Phật nên y theo lời Phật dạy mà sám hối

當知是人行普賢行。行普賢行者。

đương tri thị nhân hành Phổ Hiền hạnh。 hành Phổ Hiền hành giả。 nên biết rằng người này đang tu hạnh Phổ-Hiền, thực hành những việc ngài Phổ-Hiền làm

不見惡相及惡業報。其有眾生。晝夜六時禮十方佛。誦大乘經。

bất kiến ác tướng cập ác nghiệp báo。 kỳ hữu chúng sanh。 trú dạ lục thời lễ thập phương Phật。 tụng Đại thừa Kinh。

người này không có các tướng ác cùng các quả báo của ác nghiệp. Nếu có chúng sanh nào, ngày đêm sáu thời đánh lễ mười phương Phật cùng tụng kinh điển đại-thừa

思第一義甚深空法。一彈指頃。

tư đệ nhất nghĩa thâm thâm không pháp。 nhất đạn chỉ khoảnh。 nhớ nghĩ về nghĩa lý thâm sâu của pháp Không thì chỉ trong khoảnh khắc

除去百萬億億阿僧祇劫生死之罪。行此行者。

trừ khứ bách vạn ức ức a-tăng-kì kiếp sanh tử chi tội。 hành thử hành giả。 sẽ tiêu trừ trăm vạn ức A-Tăng-Kỳ-Kiếp tội sanh tử, việc làm của người này

真是佛子。從諸佛生。十方諸佛及諸菩薩。

chân thị Phật tử。 tùng chư Phật sanh。 thập phương chư Phật cập chư Bồ-tát。 thật là con Phật, từ chư Phật sanh. Mười phương chư Phật và chư Bồ-Tát

為其和上。是名具足菩薩戒者。不須羯磨自然成就。

vi kỳ hòa thượng。 thị danh cụ túc Bồ-tát giới giả。 bất tu Yết-ma tự nhiên thành tựu。 vì người tu kia mà làm Hòa-Thượng, gọi là Cụ-Túc Bồ-Tát giới vậy; không cần làm pháp Yết-Ma mà tự nhiên được thành tựu

應受一切人天供養。

ưng thọ nhất thiết nhân Thiên cung dưỡng。 được thọ nhận của Trời Người cúng dường

爾時行者。若欲具足菩薩戒者。

nhĩ thời hành giả。 nhược dục cụ túc Bồ-tát giới giả。 lúc bấy giờ hành giả nếu muốn thọ đầy đủ giới Bồ-Tát.

應當合掌在空閑處。遍禮十方佛懺悔諸罪。自說已過。

ứng đương hợp chưởng tại không nhàn xứ。 biền lễ thập phương Phật sám hối chư tội。 tự thuyết kỷ quá。



thì nên chắp tay ở nơi trống vắng, an nhàn đánh lễ mười phương chư Phật sám-hối các tội-lỗi, tự mình nói lên những việc ác đã làm

然後靜處白十方佛。而作是言。

nhiên hậu tĩnh xứ bạch thập phương Phật。 nhi tác thị ngôn。

sau đó ở nơi thanh-tĩnh thưa cùng mười phương chư Phật; mà nói lời như vậy:

諸佛世尊常住在世。我業障故。雖信方等見佛不了。

chư Phật Thế tôn thường trụ tại thế。 ngã nghiệp chướng cố。 tuy tín phương đẳng kiến Phật bất liễu。

chư Phật Thế-Tôn thường ở tại thế-gian, do nghiệp-chướng, nên tuy con có lòng tin nơi kinh điển Phương-Đẳng nhưng không nhìn thấy thân Phật được rõ ràng

今歸依佛。唯願釋迦牟尼正遍知世尊。

kim quy y Phật。 duy nguyện Thích-Ca Mâu Ni Chánh-biến-Tri Thế Tôn。

nay con quay về nương tựa Phật, mong đức Thích-Ca Mâu-Ni Chánh-Biến-Tri Thế-Tôn

為我和上文殊師利具大慧者。願以智慧。

vi ngã hòa thượng Văn-thù-sur-lợi cụ Đại tuệ giả。 nguyện dĩ trí tuệ。

vì con làm Hòa-Thượng, ngài Văn-Thù-Sur-Lợi bậc trí tuệ, nguyện ngài dùng trí huệ đây

授我清淨諸菩薩法。彌勒菩薩勝大慈日。憐愍我故。

thọ ngã thanh tịnh chư Bồ-tát Pháp。 Di Lặc Bồ-tát thắng đại từ nhật。 liên mẫn ngã cố。

trao cho con pháp Bồ-Tát thanh tịnh; ngài Di-Lặc Bồ-Tát thắng đại từ nhật xin thương xót con mà đến

亦應聽我受菩薩法。十方諸佛。現為我證。

diệc ưng thính ngã thọ Bồ Tát Pháp。 thập phương chư Phật。 hiện vi ngã chứng。 cũng nên nghe con thọ Bồ-Tát Pháp; mười phương chư Phật bây giờ vì con mà chứng minh

諸大菩薩。各稱其名。是勝大士。覆護眾生。

chư đại Bồ-tát。 các xưng kỳ danh。 thị thắng đại sĩ。 phước hộ chúng sanh。 chư Đại Bồ-Tát như đã biết trên là những bậc cao cả phước lành cứu độ chúng sanh

助護我等。今日受持方等經典。乃至失命。

trợ hộ ngã đẳng。 kim nhật thọ trì phương đẳng Kinh điển。 nãi chí thất mạng。 xin trợ giúp chúng con; hôm nay trì tụng kinh Phương-Đẳng cho đến lúc mạng chung

設墮地獄受無量苦。終不毀謗諸佛正法。

thiết đọa địa ngục thọ vô lượng khổ。 chung bất hủy báng chư Phật chánh pháp。 giả dụ bị đọa Địa-ngục chịu khổ vô cùng; cũng không hủy-báng chánh-pháp của chư Phật

以是因緣功德力故。今釋迦牟尼佛。為我和上。

đĩ thị nhân duyên công đức lực cố 。 kim Thích Ca Mâu Ni Phật 。 vi ngã hòa thượng 。  
xin đem oai-lực của nhân-duyên công-đức này, nay cầu xin Thích-Ca Mâu-Ni Phật vì con làm  
Hòa-Thượng

文殊師利。為我阿闍黎。當來彌勒。願授我法。

Văn-thù-sư-lợi 。 vi ngã a xà lê 。 đưng lai Di lạc 。 nguyện thọ ngã pháp 。  
Ngài văn-Thù-Sư-Lợi vì con làm A-Xà-Lê; vị lai Di-Lặc Phật kỳ vọng trao cho con pháp(Bồ-Tát)

十方諸佛。願證知我。大德諸菩薩。願為我伴。

thập phương chư Phật 。 nguyện chứng tri ngã 。 Đại Đức chư Bồ-tát 。 nguyện vi ngã  
bạn 。

mười phương chư Phật xin chứng minh cho con; các hàng Đại Bồ-Tát vì con mà làm bạn

我今依大乘經甚深妙義。歸依佛歸依法歸依僧。

ngã kim y Đại thừa Kinh thâm thâm diệu nghĩa 。 quy y Phật quy y pháp quy y tăng 。  
nay con y theo ý nghĩa thâm sâu của kinh điển Đại-thừa; xin quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng

如是三說。歸依三寶已。次當自誓受六重法。

như thị tam thuyết 。 quy y Tam Bảo dĩ 。 thứ đưng tự thệ thọ lục trọng Pháp 。  
như đây ba lần nói. Phát nguyện quay về nương tựa ba ngôi báo xong, kể đến tự phát nguyện  
nhân lãnh sáu pháp quan trọng của bồ-Tát

受六重法已。次當勤修無礙梵行。發廣濟心。

thọ lục trọng Pháp dĩ 。 thứ đưng cần tu vô ngại phạm hạnh 。 phát quang tế tâm 。  
sau khi lãnh thọ sáu pháp rồi, kể đến cần tu Vô-Ngai phạm hạnh cùng phát tâm lớn  
rộng(cứu độ chúng sanh)

受八重法。立此誓已。於空閑處。

thọ Bát Trọng Pháp 。 lập thữ thệ dĩ 。 ư không nhàn xứ 。  
lại thọ lãnh tám pháp trọng, khi lập thệ nguyện này xong, ở nơi trống vắng, an-nhàn

燒眾名香散華。供養一切諸佛及諸菩薩大乘方等。

thieu chúng danh hương tán hoa 。 cúng dường nhất thiết chư Phật cập chư Bồ-tát Đại-Thừa  
phương đẳng 。

thắp hương dâng hoa cúng dường tất cả chư Phật cùng chư Bồ-Tát phương đẳng

而作是言。我於今日發菩提心。

nhĩ tác thị ngôn 。 ngã ư kim nhật phát Bồ-đề tâm 。

hành giả nên nói như vậy: Hôm nay con phát Bồ-Đề-Tâm(phát nguyện thành Phật)

以此功德普度一切。作是語已。復更頂禮一切諸佛及諸菩薩。

đĩ thữ công đức phổ độ nhất thiết 。 tác thị ngữ dĩ 。 phục cánh đánh lễ nhất thiết chư  
Phật cập chư Bồ-tát 。

nguyện đem công đức này hướng đến tất cả chúng sanh sớm thành Phật quả. Phát nguyện xong lại đánh lễ tất cả chư Phật, chư Bồ-Tát

思方等義。一日乃至三七日。若出家在家。

tư phương đẳng nghĩa 。 nhất nhật nãi chí tam thất nhật 。 nhược xuất gia tại gia 。  
nhớ nghĩ về ý nghĩa kinh Phương-Đẳng, từ một ngày cho đến hai mươi một ngày, nếu là hàng  
xuất gia hay tại gia

不須和上。不用諸師。不白羯磨。

bất tu hòa thượng 。 bất dụng chư sư 。 bất bạch Yết-ma 。  
không cần phải có Hòa-Thượng, hay các sư, cũng không cần phải bạch Yết-Ma

受持讀誦大乘經典力故。普賢菩薩勸發行故。

thọ trì đọc tụng Đại thừa Kinh điển lực cố 。 Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát hạnh cố 。  
thọ trì đọc tụng kinh Đại-thừa oai-lực này: "Phổ-Hiền Bồ-Tát khuyến phát hạnh"

是十方諸佛正法眼目。因由是法。

thị thập phương chư Phật chánh pháp nhãn mục 。 nhân do thị pháp 。  
đây chính là trông mắt chánh pháp của mười phương chư Phật, do nơi pháp này

自然成就五分法身。戒定慧解脫解脫知見。

tự nhiên thành tựu ngũ phân Pháp thân 。 giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến 。  
tự nhiên thành tựu Ngũ-Phần Pháp-Thân: giới, Định, Huệ, Giải-Thoát và Giải-thoát tri-kiến

諸佛如來從此法生。於大乘經得受記別。是故智者。

chư Phật Như Lai tòng thử Pháp sanh 。 ư Đại thừa Kinh đắc thọ ký biệt 。 thị cố trí  
giả 。  
chư Phật Như-Lai từ nơi pháp này mà sanh, y nơi kinh Đại-thừa mà có sự thọ ký khác biệt, đây  
là hạng người có trí

若聲聞毀破三歸。及五戒八戒。比丘戒比丘尼戒。

nhược Thanh văn hủy phá tam quy 。 cập ngũ giới bát giới 。 Tỳ-kheo giới bi khâu ni  
giới 。

nếu có hàng Thanh-văn hủy phá pháp Tam-Quy, cùng Năm-giới, Tám-giới, Tỳ-kheo giới, Tỳ-  
kheo-ni giới

沙彌戒沙彌尼戒。式叉摩尼戒。及諸威儀。

sa di giới sa di ni giới 。 thức xoa ma ni giới 。 cập chư uy nghi 。

Sa-di giới, Sa-di-ni giới, Thức-xoa-ma-ni giới cùng các oai-nghi

愚癡不善惡邪心故。多犯諸戒及威儀法。

ngu si bất thiện ác tà tâm cố 。 đa phạm chư giới cập uy nghi Pháp 。

hạng ngu si không phân biệt được điều lành và điều ác, tâm tà-dại, phạm nhiều cấp bậc giới và  
oai-nghi

若欲除滅令無過患。還為比丘具沙門法。

nhược dục trừ diệt lệnh vô quá hoạn 。 hoàn vi Tỳ-kheo cụ Sa Môn Pháp 。  
nếu muốn diệt-trừ các việc ác trên, để không bị nạn khổ, được trở lại làm Tỳ-kheo với đầy đủ pháp bậc Sa-môn

當勤修讀方等經典。思第一義甚深空法。

đương cần tu đọc phương đẳng Kinh điển 。 tư đệ nhất nghĩa thậm thâm không pháp 。  
nên cần tu tập, đọc tụng kinh Phương-Đẳng, luôn nhớ nghĩ nghĩa lý thậm thâm của pháp Không

令此空慧與心相應。當知此人。於念念頃。

lệnh thử không tuệ dữ tâm tương ứng 。 đương tri thử nhân 。 ư niệm niệm khoảnh 。  
điều này khiến cho trí tuệ quán Không cùng tâm đồng căn, nên biết chính nguyên nhân này mà trong mỗi mỗi ý nghĩ

一切罪垢永盡無餘。是名具足沙門法式具諸威儀。

nhất thiết tội cấu vĩnh tận vô dư 。 thị danh cụ túc Sa Môn pháp thức cụ chư uy nghi 。  
tất cả tội-lỗi, trần cấu hoàn-toàn tận-diệt, gọi là bậc Cụ-túc Sa-môn đầy đủ các oai-nghi

應受人天一切供養。若優婆塞。

ưng thọ nhân thiên nhất thiết cúng dường 。 nhược ưu-bà-tắc 。  
có thể thọ nhận của Trời, Người cúng-dường. Nếu là người trai lành

犯諸威儀作不善事。不善事者。所謂說佛法過惡。

phạm chư uy nghi tác bất thiện sự 。 bất thiện sự giả 。 sở vị thuyết Phật Pháp quá ác 。  
phạm lỗi các oai nghi làm các việc ác, đối với kẻ ác kia, chỗ nói rằng Phật-Pháp vượt qua điều ác

論說四眾所犯惡事。偷盜姪姪無有慚愧。

luận thuyết Tứ Chúng sở phạm ác sự 。 thâm đạo dâm dật vô hữu tàm quý 。  
bàn luận những điều Tứ-chúng phạm vào việc ác như trộm-cắp, dâm-dục mà không biết tự xấu-hổ

若欲懺悔滅諸罪者。當勤讀誦方等經典思第一義。

nhược dục sám hối diệt chư tội giả 。 đương cần đọc tụng phương đẳng Kinh điển tư đệ nhất nghĩa 。

nếu kẻ ấy muốn sám-hối để tiêu-trừ các tội-lỗi trên, nên cần đọc tụng kinh Phương-Đẳng, nhớ nghĩ đến nghĩa đệ nhất

若王者大臣婆羅門居士長者宰官。是諸人等。

nhược Vương giả đại thân Bà-la-môn Cư-sĩ Trưởng-giả tể quan 。 thị chư nhân đẳng 。

nếu là hàng Vua-chúa, Đại-thần, Bà-la-môn, Cư-sĩ, Trưởng-giả, Tể-quan cùng tất cả mọi người  
貪求無厭。作五逆罪。謗方等經。具十惡業。  
tham cầu vô yếm 。 tác ngũ nghịch tội 。 báng phương đẳng Kinh 。 cụ thập ác nghiệp 。

lòng tham không cùng tận, tạo ngũ-nghịch tội, phi-báng kinh Phương-Đẳng, đầy đủ cả mười nghiệp ác

是大惡報。應墮惡道。過於暴雨。  
thị Đại ác báo 。 ứng đọa ác đạo 。 quá ư bạo vũ 。  
đây là ác báo lớn, phải đọa vào ba đường ác, quá là tàn khốc

必定當墮阿鼻地獄。若欲除滅此業障者。  
tất định đương đọa A-tỳ địa ngục 。 nhược dục trừ diệt thử nghiệp chướng giả 。  
nhất định phải đọa vào A-Tỳ địa-ngục, nếu muốn tiêu-trừ các nghiệp-ác này

應生慚愧改悔諸罪。云何名刹利居士懺悔法。懺悔法者。  
ứng sanh tâm quý cải hối chư tội 。 vân hà danh sát lợi Cư-sĩ sám hối Pháp 。 sám hối Pháp giả 。  
nên tự biết sấu-hổ, sanh tâm hối-cải ăn-năn. Cho nên gọi tên là " Sát-lợi Cư-sĩ Sám-hối Pháp".  
Người hành pháp sám này

但當正心。不謗三寶。不障出家。  
đãn đương chánh tâm 。 bất báng Tam Bảo 。 bất chướng xuất gia 。  
phải nên phát tâm chơn chánh, không chê bai Tam-bảo, không ngăn cản người xuất-gia

不為梵行人作惡留難。應當繫念修六念法。  
bất vi phạm hạnh nhân tác ác lưu nạn 。 ứng đương hệ niệm tu lục niệm pháp 。  
không vì ghét người phạm tội mà tạo các việc ác để kéo dài sự đau khổ của họ; phải nên nhớ nghĩ đến "Sáu Niệm"

亦當供給供養持大乘者。不必禮拜。  
diệc đương cung cấp cúng dường trì Đại-Thừa giả 。 bất tất lễ bái 。  
cũng nên chu-cấp cúng-dường người trì-tụng kinh Đại-thừa, nhưng không cần phải đánh-lễ.

應當憶念甚深經法第一義空。思是法者。  
ứng đương ức niệm thậm thâm Kinh pháp đệ nhất nghĩa không 。 tư thị pháp giả 。  
phải nên nhớ nghĩ về nghĩa thậm-thâm của kinh-pháp đệ-nhất nghĩa không, người nhớ nghĩ nơi pháp này

是名刹利居士修第一懺悔。第二懺悔者。孝養父母恭敬師長。  
thị danh sát lợi Cư-sĩ tu đệ nhất sám hối 。 đệ nhị sám hối giả 。 hiếu dưỡng phụ mẫu  
cung kính sư trưởng 。  
thì gọi là " Sát-Lợi Cư-sĩ Đệ-nhất Sám-hối". Pháp Sám-hối thứ Hai là "Hiếu-dưỡng Phụ-Mẫu,  
cung-kính Sư-trưởng"

是名修第二懺悔法。第三懺悔者。  
thị danh tu đệ nhị sám hối Pháp 。 đệ tam sám hối giả 。  
gọi tên là "Pháp sám-Hối thứ hai". Pháp Sám-hối thứ ba là

正法治國不邪枉人民。是名修第三懺悔。第四懺悔者。

chánh pháp trị quốc bất tà uổng nhân dân 。 thị danh tu đệ tam sám hối 。 đệ tứ sám hối giả 。

dùng Chánh-Pháp trị quốc không dối gạt dân chúng, gọi tên là " Pháp Sám-hối thứ ba". Pháp sám-hối thứ tư là

於六齋日勅諸境內力所及處。令行不殺。

ư lục trai nhật sắc chư cảnh nội lực sở cập xứ 。 lệnh hành bất sát 。

trong sáu ngày Trai nên răn bảo gia đình cùng các nơi khác không được sát sanh

修如此法。是名修第四懺悔。第五懺悔者。

tu như thử pháp 。 thị danh tu đệ tứ sám hối 。 đệ ngũ sám hối giả 。

thực hành như đây gọi là làm theo "Pháp Sám-hối thứ Tư". Pháp Sám-hối thứ Năm là

但當深信因果。信一實道。知佛不滅。是名修第五懺悔。

đãn đương thâm tín nhân quả 。 tín nhất thật đạo 。 tri Phật bất diệt 。 thị danh tu đệ ngũ sám hối 。

phải nên tin sâu Nhân-Quả, tin là đường chân thật chỉ có một, biết là Phật thì không còn sanh diệt, đây gọi là làm theo "Pháp Sám-hối thứ năm"

佛告阿難。於未來世。若有修習如此懺悔法。

Phật cáo A-nan 。 ư vị lai thế 。 nhược hữu tu tập như thử sám hối Pháp 。

Phật bảo ngài A-Nan, ở đời vị lai, nếu như có hành giả nào tu theo các pháp Sám-hối này

當知此人著慚愧服。諸佛護助。

đương tri thử nhân trước tâm quý phục 。 chư Phật hộ trợ 。

nên biết người này đang mặc áo tâm-quí, được chư Phật trợ giúp

不久當成阿耨多羅三藐三菩提。說是語時。十千天子。

bất cửu đương thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề 。 thuyết thị ngữ thời 。 thập thiên Thiên Tử 。

không lâu sẽ đắc quả A-Nậu-Đa-La-Tam-Miệu-Tam-Bồ-Đề(quả vị Phật); khi Phật Thích-Ca nói những lời này, những vị vua các cõi trời khắp mười phương

得法眼淨。彌勒菩薩等諸大菩薩。及以阿難。

đắc pháp nhãn tịnh 。 Di Lặc Bồ-tát đấng chư đại Bồ-tát 。 cập dĩ A-nan 。

được Pháp-Nhãn thanh-tịnh. Ngài Di-Lặc Bồ-Tát và các hàng Bồ-Tát cùng với ngài A-Nan

聞佛所說。歡喜奉行。

văn Phật sở thuyết 。 hoan hỷ phụng hành 。

Nghe Phật Thích-Ca dạy xong, lòng rất vui mừng y theo kinh này tu tập

佛說觀普賢菩薩行法經

Phật thuyết quán Phổ Hiền Bồ Tát hạnh pháp Kinh  
Phật nói Kinh Pháp Quán Phổ-Hiền Bồ-Tát Hạnh.

---

---

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>  
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền  
Phiên Âm Thu Oct 2 00:01:11 2008

---

---